

Số: 3925/QĐ - BKHCN

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng
tiêu chuẩn quốc gia năm 2018

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) năm 2018”.

Điều 2. Kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng TCVN trên do các Bộ, ngành xây dựng dự thảo TCVN chủ động cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2018 cấp cho các Bộ, ngành và các nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ, ngành có liên quan;
- Lưu: VT, TĐC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng


KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TCVN NĂM 2018
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 3925/QĐ-BKHHCN ngày 23 tháng 12 năm 2017
 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
I. BỘ XÂY DỰNG									
Vật liệu xây dựng									
1.		Tấm tường nhẹ Panel Sandwich- Yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm	Xây dựng trên cơ sở tham khảo tài liệu (ASTM C659-14, GB 22451-2009)	Hội Công nghiệp BTVN	2018	2019			
2.		Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa- Silica Fume và Tro trấu nghiền mịn	Soát xét TCVN 8827:2011	Đại học Xây dựng	2018	2019			
3.		Sơn và vecni – Thuật ngữ và định nghĩa”	Chấp nhận ISO 4618:2014	Viện VLXD	2018	2019			
4.		Chất biến tính polyme dạng bột và dạng latex sử dụng trong vữa và bê tông xi măng - Phương pháp thử	Chấp nhận ASTM C1439-13	Viện VLXD	2018	2019			
5.		Sơn sản trong nhà - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	Chấp nhận JIS K5970	Viện VLXD	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
6.		Khung vách thạch cao bằng kim loại - Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ASTM C645-14	Viện VLXD	2018	2019			
7.		Vật liệu trát phẳng – Tính chất và yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận BS EN 13813:2002	Viện VLXD	2018	2019			
8.		Vật liệu trát phẳng - Phương pháp thử - Phần 1: Lấy mẫu, chuẩn bị và bảo dưỡng mẫu thử cho thử nghiệm	Chấp nhận BS EN 13892-1:2002	Viện VLXD	2018	2019			
9.		Gioăng và dải chịu thời tiết cho cửa đi, cửa sổ, cửa chớp và rèm tường	Chấp nhận BS EN 12365-(1+4):2003	Viện VLXD	2018	2019			
10.		Đá tự nhiên lát vỉa hè – Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	Chấp nhận BS EN 1342:2012	Viện VLXD	2018	2019			
11.		Đá tự nhiên lát lề ngoài trời – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Chấp nhận BS EN 1343:2012	Viện VLXD	2018	2019			
12.		Vật liệu chịu lửa -Phương pháp đo kích thước và xác định các khuyết tật ngoại quan của gạch chịu lửa Phần 1: Kích thước và sự phù hợp với bản vẽ. Phần 2: Các khuyết tật góc, cạnh và khuyết tật trên bề mặt khác.	Chấp nhận ISO 12678-1:2011 Và ISO 12678-2:2011	Viện VLXD	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
13.		Vật liệu chịu lửa không định hình - Phương pháp xác định độ bền chống bong tróc	Chấp nhận ISO 16334:2013	Viện VLXD	2018	2019			
14.		Thiết bị vệ sinh – Vòi đơn và vòi kết hợp cho hệ thống cấp nước kiểu 1 và kiểu 2 – Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận BS EN 200:2008	Viện VLXD	2018	2019			
15.		Đỉnh hồ thu và đỉnh hồ ga làm bằng gang	Chấp nhận BS EN 124-2:2015	Viện VLXD	2018	2019			
16.		Đỉnh hồ thu và đỉnh hồ ga làm bằng thép hoặc hợp kim nhôm	Chấp nhận BS EN 124-3:2015	Viện VLXD	2018	2019			
17.		Đỉnh hồ thu và đỉnh hồ ga làm bằng bê tông cốt thép	Chấp nhận BS EN 124-4:2015	Viện VLXD	2018	2019			
18.		Đỉnh hồ thu và đỉnh hồ ga làm bằng vật liệu composite	Chấp nhận BS EN 124-5:2015	Viện VLXD	2018	2019			
19.		Đỉnh hồ thu và đỉnh hồ ga làm bằng Polypropylene (PP), Polyethylene (PE) hoặc nhựa không hóa dẻo	Chấp nhận BS EN 124-6:2015	Viện VLXD					

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		poly(vinyl chloride) (PVC-U)							
20.		Vật liệu chịu lửa - Gạch manhêđi các bon	Soát xét 7710:2007	Viện VLXD					
Kết cấu và công nghệ									
21.		Sợi thép cho bê tông – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn Mỹ A820/A820M-11	Viện KHCN XD	2018	2019			
22.		Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép làm việc trong điều kiện tác động của nhiệt độ cao	Xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn Nga SP 27.13330.2011	Viện KHCN XD	2018	2019			
23.		Tấm panel tường trong xây dựng, yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn BS 5234-2:1992 và SS 492:2001	Viện KHCN XD	2018	2019			
24.		Lắp dựng kết cấu thép - Thi công và nghiệm thu	Xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn CII 70.13330.2012	Viện KHCN XD	2018	2019			
25.		Tổ chức thi công phá dỡ nhà và công trình xây dựng	Xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn Nga CTO 2.33.53-2011	Viện KHCN XD	2018	2019			
26.		Thử nghiệm phản ứng với lửa - Tính cháy lan của ngọn lửa - Phần 4: Thử nghiệm tính cháy lan của ngọn lửa ở quy mô trung bình với mẫu thử đặt theo phương thẳng đứng	Chấp nhận ISO 5658-4:2012	Viện KHCN XD	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
27.		Thử nghiệm phản ứng với lửa - Xác định tính cháy lan đối với mặt sàn tại mức thông nhiệt lượng 25kWW/m ²	Chấp nhận ISO 9239-2:2013	Viện KHCN XD	2018	2019			
28.		Thử nghiệm phản ứng với lửa-Tính bất cháy của vật liệu xây dựng khi sử dụng nguồn nhiệt bức xạ	Chấp nhận ISO 5657:2015	Viện KHCN XD	2018	2019			
29.		Thử nghiệm phản ứng với lửa-Xác định tốc độ mất khối lượng của vật liệu	Chấp nhận ISO 17554:2014	Viện KHCN XD	2018	2019			
30.		"Hệ thống cấp khí đốt trung tâm trong nhà ở - tiêu chuẩn thiết kế"	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu TCXDVN 377:2006	Viện KHCN XD	2018	2019			
31.		"Hệ thống cấp khí đốt trung tâm trong nhà ở-tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu"	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu TCXDVN 387:2006	Viện KHCN XD	2018	2019			
32.		Bu lông neo - Neo trong bê tông - Các yêu cầu kỹ thuật, cấu tạo và hướng dẫn tính toán thiết kế	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn GOCT 24379.0-2012	Viện KHCN XD	2018	2019			
33.		Nhà ở và công trình - An toàn trong phá dỡ, di chuyển nhà và công trình	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam	2018	2019			
34.		Gia cường nền móng nhà cũ	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu JFJ 123-2012	Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
35.		Bảo trì kết cấu thép	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu TIA – 222-G ASCE 10-97	Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam	2018	2019			
Công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường									
36.		Hiệu năng nhiệt của tòa nhà – Phương pháp đo hiện trường lưu lượng không khí của hệ thống thông gió và điều hòa không khí.	Chấp nhận ISO 16956:2015	Viện KHCN XD	2018	2019			
37.		Kiểm toán năng lượng tòa nhà.	Chấp nhận BS EN 16247-2:2014	Viện KHCN XD	2018	2019			
38.		Nhà ở và công trình công cộng- Các thông số vi khí hậu trong phòng	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu TCXDVN 306:2004	Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam	2018	2019			
39.		Mức ồn tối đa cho phép trong công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu TCXDVN 175 :2005	Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam	2018	2019			
Máy xây dựng									
40.		Máy khoan lấy mẫu bê tông – An toàn	Chấp nhận DIN EN 12348:2009	Đại học Xây dựng	2018	2019			
41.		Thiết bị cắt tường di động cho thi công tại công trường – An toàn	Chấp nhận DIN EN 15027:2010	Đại học Xây dựng	2018	2019			
42.		Hệ thống và thiết bị vận chuyển liên tục – Yêu cầu an toàn và yêu cầu EMC	Chấp nhận DIN EN 617:2011	Đại học Xây dựng	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		cho thiết bị dùng lưu trữ vật liệu rời trong silo, bunke, thùng và hộp							
43.		Thiết bị khoan hầm – Đầu khoan và thiết bị đào liên tục – Yêu cầu an toàn	Chấp nhận DIN EN 12111:2014	Đại học Xây dựng	2018	2019			
44.		Thiết bị khoan hầm – Yêu cầu an toàn	Chấp nhận DIN EN 16191:2014	Đại học Xây dựng	2018	2019			
45.		Thiết bị khoan hầm - Thiết bị cấp khí - Yêu cầu an toàn	Chấp nhận DIN EN 12110:2014	Đại học Xây dựng	2018	2019			
Hạ tầng kỹ thuật									
46.		Công và hệ thống công thoát nước bên ngoài tòa nhà	Chấp nhận BS EN 752:2008	Viện VLXD	2018	2019			
47.		Khảo sát và đánh giá hệ thống công và hệ thống thoát nước bên ngoài tòa nhà - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận BS EN 13508-1: 2012	Viện VLXD	2018	2019			
48.		Khảo sát và đánh giá hệ thống công và hệ thống thoát nước bên ngoài tòa nhà - Phần 2: Kiểm tra bằng hệ thống mã hóa	Chấp nhận BS EN 13508-2:2003+A1: 2011	Viện VLXD	2018	2019			
49.		Xây dựng và thử nghiệm các hệ thống thoát nước và rãnh thoát nước	Chấp nhận BS EN 1610: 2015	Viện VLXD	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
50.		Xây dựng tiêu chuẩn quản lý bùn thải hệ thống thoát nước đô thị	Dự kiến sẽ dựa chủ yếu vào các tiêu chuẩn của Nga và của Mỹ (СНИП 2.04.03-85.	Viện NC CTN&MT	2018	2019			
Quy hoạch Kiến trúc									
51.		Trụ sở tòa án nhân dân các cấp - Tiêu chuẩn thiết kế	Soát xét TCVN 4601:2012	Viện KTQG	2018	2019			
II. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG									
Công nghệ thông tin									
52.		Kỹ thuật hệ thống và phần mềm - Kiểm thử phần mềm - Phần 1: Khái niệm và định nghĩa	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC/IEEE 29119-1:2013	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			
53.		Kỹ thuật hệ thống và phần mềm - Kiểm thử phần mềm - Phần 2: Quy trình kiểm thử	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC/IEEE 29119-2:2013	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			
54.		Kỹ thuật hệ thống và phần mềm - Kiểm thử phần mềm - Phần 3: Tài liệu kiểm thử	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC/IEEE 29119-3: 2013	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			
55.		Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - Truyền	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC 27033-	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thông an toàn giữa các mạng sử dụng mạng riêng ảo (VPN)	5:2013	điện					
56.		Giao thức Internet phiên bản 6 (IPv6)- Cấu hình địa chỉ phi trạng thái IPv6	Xây dựng mới trên cơ sở RFC 4862 (2007) của Nhóm đặc trách về kỹ thuật Internet (IETF)	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			
57.		Công nghệ thông tin – Hướng dẫn xác định, tập hợp, thu thập và bảo quản các bằng chứng số	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC 27037 :2012	Trung tâm Ứng cứu Khẩn cấp Máy tính Việt Nam	2018	2019			
58.		Mở rộng an toàn hệ thống tên miền (DNSSEC) - Xác thực từ chối sự tồn tại sử dụng hàm băm trong bảo mật DNS (DNSSEC)	Xây dựng mới trên cơ sở RFC 5155 của Nhóm đặc trách về kỹ thuật Internet (IETF)	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			
59.		Mở rộng an toàn hệ thống tên miền (DNSSEC) – Các bảng ghi tài nguyên cho các phân mở rộng bảo mật DNS	Xây dựng mới trên cơ sở RFC 4034 (03-2005) của Nhóm đặc trách về kỹ thuật Internet (IETF)	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			
60.		Kỹ thuật hệ thống và phần mềm - Kiểm thử phần mềm - Phần 4: Kỹ thuật kiểm thử	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC/IEEE 29119-4 : 2015	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
61.		Công nghệ thông tin – Mã hóa các đối tượng âm thanh hình ảnh - Các hệ thống	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC 14496-1:2010 ADM 1: 15/10/2010 ADM 2: 15/01/2014	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			
62.		Công nghệ thông tin – Hệ thống mã hóa hình ảnh JPEG2000 - Hệ thống mã hóa lõi	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC 15444-1:2015	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			
63.		Rà soát và cập nhật tiêu chuẩn quốc gia “Công nghệ thông tin – Hệ thống quản lý an toàn thông tin – Các yêu cầu”	Xây dựng trên cơ sở ISO/IEC 27001:2013	Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện	2018	2019			
64.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Hướng dẫn thực hiện đảm bảo an toàn thông tin	Xây dựng mới trên cơ sở tự nghiên cứu tham khảo tài liệu	Viện công nghệ Thông tin và Truyền thông (CDIT)	2018	2019			
III. BỘ CÔNG AN									
Phòng cháy chữa cháy									
65.		Ông mềm bằng kim loại dùng cho đầu phun trong hệ thống chữa cháy – Yêu cầu kỹ thuật chung và	Xây dựng mới	Cục cảnh sát PCCC và CHCN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phương pháp thử							
66.		Đầu báo khí cháy (khí gas) – Yêu cầu kỹ thuật chung và Phương pháp thử	Xây dựng mới	Cục cảnh sát PCCC và CHCN	2018	2019			
67.		Tủ họng nước chữa cháy vách tường – Yêu cầu kỹ thuật chung và Phương pháp thử	Xây dựng mới	Cục cảnh sát PCCC và CHCN	2018	2019			
68.		Bình chữa cháy sử dụng khí sạch tự động kích hoạt chữa cháy – Yêu cầu kỹ thuật chung và xPhương pháp thử	Xây dựng mới	Cục cảnh sát PCCC và CHCN	2018	2019			
69.		Hệ thống báo cháy tự động – Yêu cầu kỹ thuật	Sửa đổi bổ sung TCVN 5738-2001	Cục cảnh sát PCCC và CHCN	2018	2019			
70.		Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống. Phần 5: Chất khí FK-5-1-12 (Novec 1230)	Sửa đổi bổ sung TCVN 7161-5	Cục cảnh sát PCCC và CHCN	2018	2019			
71.		Hệ thống chữa cháy bằng khí Aerosol – Yêu cầu thiết kế và lắp đặt.	Xây dựng mới	Cục cảnh sát PCCC và CHCN	2018	2019			
72.		Phòng cháy chữa cháy. Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước. Yêu cầu về thiết kế và lắp đặt	Sửa đổi bổ sung TCVN 7336:2003	Cục cảnh sát PCCC và CHCN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
73.		Phòng cháy chữa cháy cho Trạm biến áp 110kV, 220kV không người trực vận hành – Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới	Cục Cảnh sát PCCC và CHCN	2018	2019			
IV. BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ									
74.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Kỹ thuật mật mã dựa trên đường cong elliptic – Phần 1: Tổng quan	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn ISO/IEC 15946-1	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2018	2019			
75.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Kỹ thuật mật mã dựa trên đường cong elliptic – Phần 5: Các kỹ thuật tạo đường cong elliptic	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn ISO/IEC 15946-5	nt	2018	2019			
76.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Bộ tạo bit ngẫu nhiên	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 18031	nt	2018	2019			
77.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Lược đồ chữ ký số có khôi phục thông điệp – Phần 2: Các cơ chế dựa trên phân tích	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 9796-2	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		số nguyên							
78.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Lược đồ chữ ký số có khôi phục thông điệp – Phần 3: Các cơ chế dựa trên bài toán Logarit rời rạc	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 9796-3	nt	2018	2019			
79.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Mật mã hạng nhẹ -Phần 1: Tổng quan	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn ISO/IEC 29192-1	nt	2018	2019			
80.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Mật mã hạng nhẹ - Phần 2: Mã khối	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn ISO/IEC 29192-2	nt	2018	2019			
81.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Mật mã hạng nhẹ - Phần 3: Mã dòng	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn ISO/IEC 29192-3	nt	2018	2019			
82.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Mật mã hạng nhẹ - Phần 4: Cơ chế sử dụng kỹ thuật phi đối xứng	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn ISO/IEC 29192-4	nt	2018	2019			
83.		Công nghệ thông tin – Kỹ	Xây dựng mới trên cơ	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thuật an toàn – Xác thực thực thể - Phần 4: Cơ chế sử dụng hàm kiểm tra mật mã	sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 9798-4						
84.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Xác thực thực thể - Phần 5: Cơ chế sử dụng kỹ thuật tri thức không.	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 9798-5	nt	2018	2019			
85.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Xác thực thực thể - Phần 6: Cơ chế sử dụng truyền dữ liệu thủ công	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 9798-6	nt	2018	2019			
V. BỒ Y TẾ									
An toàn Thực phẩm									
86.		Nước ăn uống - Xác định dư lượng Glyphosate - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận US EPA 547	Viện KN ATVSTPQG	2018	2019			
87.		Nước ăn uống - Xác định dư lượng diquat và paraquat - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận US EPA 549.2	Viện KN ATVSTPQG					

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch	
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác		
88.		Thực phẩm - Xác định hoạt tính Celullase (FPU)	Chấp nhận phương pháp IUPAC	Viện KN ATVSTPQG	2018	2019				
89.		Thực phẩm công thức - Xác định hàm lượng folat tổng. Phương pháp chiết trienzym và định lượng bằng sắc ký lỏng siêu hiệu năng ghép nối khối phổ UPLC/MS/MS	Tham khảo AOAC 2011.06	Viện KN ATVSTPQG	2018	2019				
90.		Sữa tươi dạng lỏng - Xác định sữa bột bổ sung thông qua định lượng Furosine - Phương pháp sắc ký lỏng ghép nối khối phổ (LC-MS/MS)	Xây dựng mới (<i>tham khảo CAFE:2016-66</i>)	Viện KN ATVSTPQG	2018	2019				
Trang thiết bị y tế										
91.		Thiết bị y tế chẩn đoán trong ống nghiệm - Đo lường số lượng trong các mẫu có nguồn gốc sinh học - Yêu cầu đối với tài liệu tham khảo được chứng nhận và nội dung tài liệu hỗ trợ	Chấp nhận ISO 15194:2009	Viện TT&CTYT	2018	2019				

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
92.		Hệ thống xét nghiệm chẩn đoán trong ống nghiệm - Các yêu cầu đối với hệ thống theo dõi glucose máu trong việc tự kiểm tra bệnh đái tháo đường	Chấp nhận ISO 15197:2013	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
93.		Phòng thí nghiệm y tế lâm sàng - Các thiết bị y tế chẩn đoán trong ống nghiệm - Xác nhận các quy trình kiểm soát chất lượng của người sử dụng bởi nhà sản xuất	Chấp nhận ISO 15198:2004	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
94.		Kiểm tra phòng thí nghiệm lâm sàng và các thiết bị y tế trong ống nghiệm - Yêu cầu đối với các hệ thống giám sát trong ống nghiệm để tự kiểm tra liệu pháp chống đông bằng thuốc uống	Chấp nhận ISO 17593:2007	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
95.		Y khoa trong phòng thí nghiệm - Các yêu cầu đối với các phòng thí nghiệm đo lường tham chiếu	Chấp nhận ISO 15195:2003	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
96.		Kiểm tra phòng thí nghiệm lâm sàng - Các tiêu chuẩn đối với các loại	Chấp nhận ISO/TS 16782:2016	Viện TTB&CTYT					

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chất làm đông agar Mueller-Hinton khử nước và canh để thử nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh							
97.		Phòng thí nghiệm y tế - Thuốc thử cho nhuộm vật liệu sinh học - Hướng dẫn cho người sử dụng	Chấp nhận ISO/TS 17518:2015	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
98.		Các hệ thống xét nghiệm chẩn đoán trong ống nghiệm - Các quy trình kiểm tra trong ống nghiệm dựa trên axit nucleic để phát hiện và xác định các mầm bệnh vi sinh - Phần 1: Yêu cầu chung, thuật ngữ và định nghĩa	Chấp nhận ISO/TS 17822-1:2014	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
99.		Phòng thí nghiệm y tế - Giảm thiểu sai sót thông qua quản lý rủi ro và cải tiến liên tục	Chấp nhận ISO/TS 22367:2008	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
100.		Phòng thí nghiệm y tế - Hướng dẫn cài đặt phòng thí nghiệm của ISO 15189: 2003	Chấp nhận ISO/TS 22869:2005	Viện TTB&CTYT					

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
101.		Xét nghiệm tại chỗ (POCT) - Yêu cầu về chất lượng và năng lực	Chấp nhận ISO 22870:2016	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
102.		Phòng thí nghiệm thủy tinh và đồ nhựa - Các ống để đo tốc độ lắng đọng hồng cầu theo phương pháp Westergren	Chấp nhận ISO 13079:2011	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
103.		Đánh giá sinh học các thiết bị y tế - Phần 33: Hướng dẫn các xét nghiệm để đánh giá gen độc tố - Bổ sung ISO 10993-3	Chấp nhận ISO/TS 10993-33:2015	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
104.		Đánh giá sinh học các thiết bị y tế - Hướng dẫn tiến hành đánh giá sinh học trong quy trình quản lý rủi ro	Chấp nhận ISO/TS 15499:2016	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
105.		Đánh giá sinh học về tìm mạch của các thiết bị y tế - Hướng dẫn về cấy ghép có thể hấp thụ	Chấp nhận ISO/TS 37137:2014	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
106.		Tiết khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe - Bức xạ - Sự biến đổi của liều khử khuẩn đã chọn	Chấp nhận ISO/TS 13004:2013	Viện TTB&CTYT	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phương pháp VdmaxSD							
107.		Máy giặt-thuốc khử trùng - Phần 1: Yêu cầu chung, thuật ngữ, định nghĩa và các thí nghiệm	Chấp nhận ISO 15883-1:2006	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
108.		Máy giặt-thuốc khử trùng - Phần 2: Yêu cầu và thử nghiệm cho các dụng cụ khử trùng bằng máy khử trùng bằng nhiệt dùng cho dụng cụ phẫu thuật, thiết bị gây mê, bát, đĩa, bình thu, dụng cụ, đồ thủy tinh, vv	Chấp nhận ISO 15883-2:2006	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
109.		Máy giặt-thuốc khử trùng - Phần 3: Các yêu cầu và thử nghiệm cho các máy khử trùng bằng máy khử trùng sử dụng nhiệt cho thùng chứa chất thải của con người	Chấp nhận ISO 15883-3:2006	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
110.		Máy giặt-thuốc khử trùng - Phần 4: Yêu cầu và thử nghiệm cho các dụng cụ khử trùng bằng máy khử trùng hóa học cho nội soi nhiệt	Chấp nhận ISO 15883-4:2008	Viện TTB&CTYT	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
111.		Máy giặt-khử trùng - Phần 5: Kiểm tra chất lỏng thải ra và các phương pháp để chứng minh hiệu quả làm sạch	Chấp nhận ISO/TS 15883-5:2005	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
112.		Máy giặt-khử trùng - Phần 6: Yêu cầu và thử nghiệm cho các dụng cụ khử trùng bằng máy khử trùng bằng nhiệt dùng cho các thiết bị y tế không xâm lấn, không nguy cấp và thiết bị y tế chăm sóc sức khỏe	Chấp nhận ISO 15883-6:2011	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
113.		Máy giặt- khử trùng - Phần 7: Các yêu cầu và thử nghiệm cho các dụng cụ khử trùng bằng máy khử trùng hóa học đối với các thiết bị y tế không chịu nhiệt không xâm lấn, không nguy cấp và thiết bị y tế chăm sóc sức khỏe	Chấp nhận ISO 15883-7:2016	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
114.		Tiệt khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe - Nhiệt ẩm - Phần 2: Hướng dẫn áp dụng ISO 17665-1	Chấp nhận ISO/TS 17665-2:2009	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
115.		Tiệt khuẩn sản phẩm	Chấp nhận ISO/TS	Viện	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chăm sóc sức khoẻ - Nhiệt âm - Phần 3: Hướng dẫn việc chỉ định một thiết bị y tế cho một họ sản phẩm và xử lý phân loại để khử khuẩn bằng hơi nước	17665-3:2013	TTB&CTYT					
116.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Đường thở khí quản	Chấp nhận ISO 5364:2016	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
117.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Ống soi thanh quản cho nội thông khí quản	Chấp nhận ISO 7376:2009	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
118.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Đường thở và đầu nối trực tràng	Chấp nhận ISO 11712:2009	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
119.		Hướng dẫn về quản lý đường thở trong quá trình phẫu thuật laser đường thở trên	Chấp nhận ISO/TR 11991:1995	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
120.		Các ống khí quản phổi - Sự định cỡ và ghi nhãn	Chấp nhận ISO 16628:2008	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
121.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Các hệ thống và bộ phận xông khí	Chấp nhận ISO 27427:2013	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
122.		Kim hạ áp dùng một lần - Màu mã hoá để nhận biết	Chấp nhận ISO 6009:2016	Viện TTB&CTYT	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
123.		Kim tiêm dưới da vô khuẩn dùng một lần - Các yêu cầu và phương pháp kiểm tra	Chấp nhận ISO 7864:2016	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
124.		Nha khoa - Kim tiêm vô khuẩn dùng một lần	Chấp nhận ISO 7885:2010	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
125.		Kim tiêm dưới da vô trùng dùng một lần - Phần 1: Xy lanh dùng cho bơm tiêm điện	Chấp nhận ISO 7886-2:1996	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
126.		Ổng kim tiêm bằng thép không gỉ để sản xuất thiết bị y tế - Yêu cầu và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 9626:2016	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
127.		Ổng tiêm nha khoa	Chấp nhận ISO 9997:1999	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
128.		Bảo vệ tổn thương kim khâu mũi nhọn - Yêu cầu và phương pháp kiểm tra - Các tính năng bảo vệ kim khâu mũi nhọn đối với kim tiêm dưới da dùng một lần, dụng cụ để đặt cho ống thông và kim dùng để lấy mẫu máu	Chấp nhận ISO 23908:2011	Viện TTB&CTYT	2018	2019			
129.		Thực hành về liều lượng chiếu xạ máu	Chấp nhận ISO/ASTM	Viện TTB&CTYT	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan để xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			51939:2017						
130.		Đầu nối lỗ nhỏ cho chất lỏng và khí trong các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 20: Các phương pháp thử thông thường	Chấp nhận ISO 80369-20:2015	Viện TTB&CTYT	2018	2019			

VI. BỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đất đai

131.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu địa chính Phần 1: Dữ liệu về thửa đất	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			
132.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu địa chính Phần 2: Dữ liệu về đối tượng chiếm đất không tạo thành thửa đất	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			
133.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu địa chính Phần 3: Dữ liệu về tài sản gắn liền với đất	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			
134.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu địa chính Phần 4: Dữ liệu về người	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		sử dụng đất, người quản lý đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất		đại					
135.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu địa chính Phần 5: Dữ liệu về quyền sử dụng đất, quyền quản lý đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			
136.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu địa chính Phần 6: Dữ liệu tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền quản lý đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			
137.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu địa chính Phần 7: Dữ liệu về sự biến động trong quá trình sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			
138.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai Phần 1: Dữ liệu hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
139.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai Phần 2: dữ liệu hiện trạng sử dụng đất cấp huyện	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			
140.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai Phần 3: Dữ liệu hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			
141.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai Phần 4: Dữ liệu kết quả điều tra kiểm kê	Xây dựng mới	Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai; Tổng cục Quản lý đất đai	2018	2019			
Khí tượng thủy văn									
142.		Đánh giá chất lượng bản tin dự báo khí tượng thủy văn - Phần 1: Đánh giá chất lượng bản tin dự báo khí tượng	Xây dựng mới trên cơ sở hướng dẫn của tổ chức khí tượng thế giới	Cục KTTV&BĐKH	2018	2019			
143.		Đánh giá chất lượng bản tin dự báo khí tượng thủy văn - Phần 2: Đánh giá chất lượng bản tin dự báo thủy văn	Xây dựng mới trên cơ sở hướng dẫn của tổ chức khí tượng thế giới	Cục KTTV&BĐKH	2018	2019			
144.		Công trình quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 1: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm khí	Xây dựng mới	Cục KTTV&BĐKH	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tượng bề mặt							
145.		Công trình quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 2: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm thủy văn	Xây dựng mới	Cục KTTV&BĐKH	2018	2019			
146.		Công trình quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 3: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm hải văn	Xây dựng mới	Cục KTTV&BĐKH	2018	2019			
147.		Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 1: Quan trắc khí tượng bề mặt	Xây dựng mới	Trung tâm KTTVQG	2018	2019			
148.		Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 2: Quan trắc mực nước và nhiệt độ nước sông	Xây dựng mới	Trung tâm KTTVQG	2018	2019			
149.		Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 3: Quan trắc hải văn	Xây dựng mới Tham khảo quy phạm quan trắc hải văn ven bờ 94 TCN 8-2006 và quy phạm quan trắc khí tượng hải văn trên tàu biển 94TCN 19-2001	Trung tâm KTTVQG	2018	2019			
Địa chất khoáng sản									
150.		Đất đá và quặng – Phần 1: Xác định hàm lượng Selen – Phương pháp hấp thụ nguyên tử kỹ thuật	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hidrua hóa							
151.		Đất đá và quặng – Phần 2: Xác định hàm lượng Antimon – Phương pháp hấp thụ nguyên tử kỹ thuật hidrua hóa	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
152.		Đất đá và quặng – Phần 3: Xác định hàm lượng Asen – Phương pháp hấp thụ nguyên tử kỹ thuật hidrua hóa	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
153.		Đất đá và quặng – Phần 4: Xác định hàm lượng Thủy ngân – Phương pháp hấp thụ nguyên tử bay hơi lạnh	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
154.		Đất đá và khoáng vật silicat – Berili – Phương pháp hấp thụ nguyên tử	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
155.		Quặng barit – Phần 1: Xác định hàm lượng Bari – Phương pháp khối lượng	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
156.		Quặng barit – Phần 2: Xác định hàm lượng Silic – Phương pháp khối lượng	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
157.		Quặng barit – Phần 3: Xác định hàm lượng Lưu huỳnh – Phương pháp khối lượng	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
158.		Quặng barit – Phần 4: Xác định hàm lượng Sắt tổng số – Phương pháp chuẩn độ	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
159.		Mẫu đất – Xác định các nguyên tố kim loại - Phương pháp huỳnh quang tia X (XRF) sử dụng thiết bị cầm tay.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN					
160.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Quy trình đo mẫu đất trên máy phổ gamma phân giải cao	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN					
161.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Quy trình đo	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN					

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		mẫu nước trên máy phổ gamma phân giải cao							
162.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường – Quy trình đo mẫu nông phẩm trên máy phổ gamma phân giải cao.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN					
163.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Phương pháp xác định hoạt độ phóng xạ của ^{137}Cs trên máy phổ gamma phân giải cao.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN					
164.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Phương pháp xác định hoạt độ phóng xạ của ^7Be trên máy phổ gamma phân giải cao.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
165.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường - Phương pháp xác định hoạt độ phóng xạ của ^{210}Pb trên	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		máy phổ gamma phân giải cao.							
166.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản: Quy trình chuẩn hệ phổ kế gamma phân giải cao để đo hoạt độ phóng xạ	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
167.		Mẫu trọng sa - Phần 1: Phương pháp lấy mẫu trọng sa suối	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
168.		Mẫu trọng sa - Phần 2: Phương pháp lấy mẫu trọng sa sườn	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
169.		Mẫu trọng sa - Phần 3: Phương pháp lấy mẫu trọng sa công trình	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
170.		Đất, đá và quặng – Phần 1: Phương pháp lấy mẫu rãnh điếm	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
171.		Đất, đá và quặng – Phần 2: Phương pháp lấy mẫu rãnh	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
172.		Mẫu đá – Phần 1: Quy trình lấy, gia công mẫu đá granit và tách khoáng vật thạch anh cho phân tích đồng vị oxy.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
173.		Mẫu đá – Phần 2: Quy trình lấy, gia công mẫu đá granit và tách khoáng vật biotit cho phân tích đồng vị hydro.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
174.		Quặng sulfua - Quy trình lấy và gia công mẫu quặng sulfua cho phân tích đồng vị lưu huỳnh	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
175.		Mẫu đá - Quy trình lấy, gia công mẫu đá magma xâm nhập và tách khoáng vật zircon cho phân tích đồng vị Uran- Chì (U-Pb)	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
176.		Mẫu đá - Quy trình lấy, gia công mẫu đá granit và tách khoáng vật muscovite cho phân tích đồng vị Argon- Argon (Ar-Ar)	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
177.		Mẫu đá - Quy trình lấy, gia công mẫu đá granit và tách khoáng vật kali feldpat cho phân tích đồng vị Kali-Argon (K-Ar)	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
178.		Mẫu đá - Quy trình lấy, gia công mẫu basalt và tách khoáng vật plagioclass cho phân tích đồng vị Argon-Argon (Ar-Ar).	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN					
179.		Điều tra địa chất về khoáng sản - Phần 1: Công trình dọn sạch vết lộ - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
180.		Điều tra địa chất về khoáng sản - Phần 2: Công trình hồ - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
181.		Điều tra địa chất về khoáng sản - Phần 3: Công trình hào - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
182.		Điều tra địa chất về khoáng sản - Phần 4: Công trình giếng nông - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
183.		Điều tra địa chất về khoáng sản - Phần 5: Công trình giếng sâu - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
184.		Điều tra địa chất về khoáng sản - Phần 6: Công trình lò bằng - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
185.		Điều tra địa chất về khoáng sản – Phần 7: Công trình lò nung - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
186.		Than nâu, than non - Phương pháp đốt nhiệt độ cao bằng tia hồng ngoại xác định đồng thời C-H-S.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
187.		Đất đá quặng thạch cao – Phần 1: Phương pháp xác định hàm lượng Fe ₂ O ₃ bằng phương pháp trắc quang.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
188.		Đất đá quặng thạch cao – Phần 2: Phương pháp xác định hàm lượng SiO ₂ bằng phương pháp trắc quang.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
189.		Đất đá quặng apatit, phương pháp quang phổ Plasma ICP-OES xác định P ₂ O ₅ , CaO.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
190.		Đất đá quặng phương pháp ICP-OES xác định nguyên tố Zr.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
191.		Phương pháp gia công mẫu cho phân tích quặng chứa vàng thô.	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
192.		Đất đá quặng có đồng – Xác định hàm lượng đồng bằng phương pháp độ i ốt	Xây dựng mới	Tổng cục DCKSVN	2018	2019			
193.		Quy trình lấy, bảo quản mẫu nước ngầm cho phân tích thủy địa hóa đồng vị bền TmD và 18O	Xây dựng mới	Tổng cục ĐCKSVN	2018	2019			
Công nghệ thông tin									
194.		Dịch vụ danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường Phần 1: Mô hình tổng quát	Xây dựng mới	Cục Công nghệ thông tin	2018	2019			
195.		Dịch vụ danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường Phần 2: Liên kết giao thức HTTP	Xây dựng mới	Cục Công nghệ thông tin	2018	2019			
<u>VII. BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH</u>									
Điện ảnh									
196.		Vật liệu hình ảnh – Phim nhựa để na toàn đã gia công – Thực hành bảo quản	Chấp nhận ISO 18911:2010	Viện Phim VN	2018	2019			
197.		Vật liệu hình ảnh –Băng từ để Polyester – Thực hành bảo quản	Chấp nhận ISO 18923:2000	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Thư viện									
198.		Thông tin và tư liệu – Thông kê thư viện theo chuẩn quốc tế	Xây dựng mới	Vụ Thư viện	2018	2019			
199.		Thông tin và tư liệu – Nhận dạng bằng tần số radio (RFID) trong thư viện – Phần 1: Các yếu tố dữ liệu và hướng dẫn chung về thực hiện	Chấp nhận ISO 28560-1:2014	Thư viện Quốc gia VN	2018	2019			
200.		Thông tin và tư liệu – Nhận dạng bằng tần số radio (RFID) trong thư viện – Phần 2: Mã hóa các yếu tố dữ liệu RFID dựa trên quy tắc từ ISO/IEC 15962	Chấp nhận ISO 28560-2:2014	nt	2018	2019			
201.		Thông tin và tư liệu – Nhận dạng bằng tần số radio (RFID) trong thư viện – Phần 3: Mã hóa độ dài cố định	Chấp nhận ISO 28560-3:2014	nt	2018	2019			
Thể dục, thể thao									
202.		Thiết bị tập luyện tại chỗ - Phần 8: Thiết bị tập chân, thiết bị tập dạng bậc thang, các yêu cầu an toàn riêng bổ sung và PP thử	Chấp nhận ISO 20957-8:2005	Trung tâm HLTT quốc gia TP Hồ Chí Minh	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
203.		Thiết bị tập luyện tại chỗ - Phần 9: Thiết bị tập luyện tập dạng elip, các yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 20957-9:2005	nt	2018	2019			
204.		Thiết bị tập luyện tại chỗ - Phần 10: Xe đạp có bánh hoặc không có lốp, các yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 20957-10:2005	nt	2018	2019			
205.		Thiết bị bể bơi – Yêu cầu an toàn và phương pháp thử đối với bục xuất phát	Chấp nhận EN 13451-4 :2015	Trường ĐHTDTT Bắc Ninh	2018	2019			
206.		Thiết bị bể bơi – Yêu cầu an toàn và phương pháp thử đối với dải phân cách và đường bơi	Chấp nhận EN 13451-5 :2015	Trường ĐHTDTT Bắc Ninh	2018	2019			
207.		Thiết bị thể dục – Vòng treo – Yêu cầu chức năng và yêu cầu an toàn, phương pháp thử	Chấp nhận DIN EN 12655	Trường ĐHTDTT Bắc Ninh	2018	2019			
208.		Thiết bị thể dục – Bàn nhảy chống – Yêu cầu chức năng và yêu cầu an toàn, phương pháp thử	Chấp nhận BS EN 12196:2003	Trường ĐHTDTT Bắc Ninh	2018	2019			
209.		Thiết bị thể dục – Cầu thăng bằng – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Chấp nhận DIN 7906	Trường ĐHTDTT Bắc Ninh	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Du lịch									
210.		Du lịch và các dịch vụ liên quan – Yêu cầu và khuyến nghị đối với hoạt động bãi tắm	Chấp nhận ISO13009:2015	Viện Nghiên cứu phát triển du lịch	2018	2019			
VIII. BỘ CÔNG THƯƠNG									
Thuốc lá									
211.		Thuốc lá điều đầu lọc	Soát xét TCVN 6666:2000	Tổng Cty Thuốc lá Việt Nam	2018	2019			
212.		Thuốc lá điều không đầu lọc	Soát xét TCVN 6667:2000	nt	2018	2019			
213.		Sợi thuốc lá - PP xác định độ ẩm	Soát xét TCVN 6675:2000	nt	2018	2019			
214.		Thuốc lá - Xác định nicotin trong phần ngưng tụ của khói thuốc – PP sắc ký khí	Soát xét TCVN 6679:2008	nt	2018	2019			
215.		Giấy cuốn thuốc lá – Xác định độ thấu khí	Soát xét TCVN 6946:2001	nt	2018	2019			
216.		Máy hút phân tích thuốc lá thông dụng – Định nghĩa và các điều kiện chuẩn	Soát xét TCVN 7096:2002	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
217.		PP xác định các đặc tính vật lý của thuốc lá và sản phẩm thuốc lá – Xác định tốc độ cháy tự do của thuốc lá điều	Soát xét TCVN 7261:2003	nt	2018	2019			
Động cơ đốt trong									
218.		Động cơ diesel 01 xy lanh công suất nhỏ (dưới 37 kW) dùng cho máy động lực và máy nông nghiệp	Xây dựng mới trên cơ sở tự nghiên cứu và tham khảo tài liệu	Tổng Cty Máy động lực và Máy nông nghiệp VN	2018	2019			
Tinh quặng									
219.		Tinh quặng diatomit	Xây dựng mới trên cơ sở tự nghiên cứu và tham khảo tài liệu	Viện KH&CN mỏ - Luyện kim	2018	2019			
220.		Tinh quặng barit	Xây dựng mới trên cơ sở tự nghiên cứu và tham khảo tài liệu	nt	2018	2019			
221.		Tinh quặng graphit	Xây dựng mới trên cơ sở tự nghiên cứu và tham khảo tài liệu	nt	2018	2019			
Vật liệu nổ									
222.		Đạn cắt chân giàn khoan khu vực biển nông	Xây mới trên cơ sở kết quả đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước	Viện thuốc phóng, thuốc nổ	2018	2019			
Thiết bị điện									
223.		Máy biến áp phòng nổ điện áp 6 kV	Xây dựng mới tham khảo GOCT 15542- Tiêu chuẩn LB Nga về	Trung tâm nghiên cứu cơ điện mỏ -	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Máy biến áp phòng nổ	Trường Đại học Mỏ địa chất					
224.		Thiết bị khởi động từ phòng nổ điện áp đến 1140 V	Xây dựng mới tham khảo ГОСТ 52275- Tiêu chuẩn LB Nga về Thiết bị khởi động từ phòng nổ điện áp đến 1140 V	Trung tâm nghiên cứu cơ điện mỏ - Trường Đại học Mỏ địa chất	2018	2019			
225.		Thiết bị bảo vệ chống rò điện trong mạng điện mỏ điện áp đến 1140 V	Xây dựng mới tham khảo ГОСТ 22929- Tiêu chuẩn LB Nga về Thiết bị bảo vệ chống rò điện trong mạng điện mỏ điện áp đến 1140 V	Trung tâm nghiên cứu cơ điện mỏ - Trường Đại học Mỏ địa chất	2018	2019			
Cao lanh									
226.		Cao lanh để sản xuất gốm sứ dân dụng	Xây dựng mới Tham khảo ASTM C324,C325,C326, C329	Viện Nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp	2018	2019			
Xi luyện thép									
227.		Xi luyện gang lò cao	Xây dựng mới	Viện Luyện kim đen	2018	2019			
228.		Xi luyện thép lò chuyển	Xây dựng mới	Viện Luyện kim đen	2018	2019			
229.		Xi luyện thép lò điện	Xây dựng mới	Viện Luyện kim đen	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
IX. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN									
Trồng trọt									
230.		Giống cây lương thực có hạt - Khảo nghiệm VCU - Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới trên cơ sở tự nghiên cứu và tham khảo tài liệu	Cục Trồng trọt	2018	2019			
231.		Giống cây lương thực có hạt - Khảo nghiệm VCU - Phần 2: Cây lúa	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt					
232.		Giống cây lương thực có hạt - Khảo nghiệm VCU - Phần 3: Cây ngô	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
233.		Giống cây lương thực có hạt - Khảo nghiệm DUS - Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
234.		Giống cây lương thực có hạt - Khảo nghiệm DUS - Phần 2: Cây lúa	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
235.		Giống cây lương thực có hạt - Khảo nghiệm DUS - Phần 3: Cây ngô	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
236.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Khảo nghiệm VCU - Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
237.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Khảo nghiệm VCU - Phần 2: Cây chè	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
238.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Khảo nghiệm VCU - Phần 3: Cây cà phê	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
239.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Khảo nghiệm VCU - Phần 4: Cây hồ tiêu	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
240.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Khảo nghiệm VCU - Phần 5: Cây điều	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
241.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Khảo nghiệm VCU - Phần 6: Cây cao su	Xây dựng mới		2018	2019			
242.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Khảo nghiệm VCU - Phần 7: Cây ca cao	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
243.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Tiêu chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng - Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
244.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Tiêu chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng - Phần 2: Cây tiêu	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
245.		Giống cây công nghiệp lâu năm - Tiêu chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng – Phần 3: Cây cao su	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
246.		Giống cây ăn quả - Tiêu chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng – Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
247.		Giống cây ăn quả - Tiêu chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng – Phần 2: Cây chôm chôm	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
248.		Giống cây ăn quả - Tiêu chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng – Phần 3: Cây Chanh leo	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
249.		Giống cây ăn quả - Tiêu chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng – Phần 4: Cây Thanh long	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
250.		Giống cây ăn quả - Tiêu chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng – Phần 5: Cây nho	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
251.		Giống cây ăn quả - Tiêu chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng – Phần 6: Cây lê	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
252.		Giống cây ăn quả - Tiêu	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chuẩn cây đầu dòng, vườn đầu dòng – Phần 7: Cây bơ							
253.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
254.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 2: Cây Thanh long	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
255.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 3: Cây Xoài	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
256.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 4: Cây nhãn	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
257.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 5: Cây vải	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
258.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 6: Cây cam	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
259.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 7: Cây bưởi	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
260.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 8: Cây chuối	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
261.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 9: Cây dứa	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
262.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 10: Cây dứa	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
263.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 11: Cây sầu riêng	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
264.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 12: Cây chôm chôm	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
265.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 13: Cây Chanh leo	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
266.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 14: Cây nho	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
267.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 15: Cây quýt	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
268.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 16: Cây bơ	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
269.		Giống cây ăn quả - Khảo nghiệm VCU- Phần 17: Cây măng cụt	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
270.		Cây giống, hạt giống cây ăn quả - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
271.		Cây giống, hạt giống cây ăn quả - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 2: Cây thanh long	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
272.		Cây giống, hạt giống cây ăn quả - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 3: Cây chôm chôm	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
273.		Cây giống, hạt giống cây ăn quả - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 4: Cây chanh leo	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
274.		Cây giống, hạt giống cây ăn quả - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 5: Cây chuối	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			
275.		Cây giống, hạt giống cây ăn quả - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 6: Cây nho	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Đất, phân bón									
276.		Phân bón – Phân bón tan trong nước – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
277.		Phân bón – Phương pháp lấy mẫu	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
278.		Phân bón – Phần 1: Quy định chung							
279.		Phân bón - Phần 2: Phương pháp xác định axit humic và axit fulvic	Soát xét TCVN 8561:2010	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
280.		Phân bón – Phần 3: Xác định hàm lượng ure trong phân bón ure bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
281.		Phân bón - Phần 4: Phương pháp xác định hàm lượng amino acid	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
282.		Phân bón - Phần 5: Phương pháp xác định hàm lượng vitamin tổng số	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
283.		Phân bón - Phần 6: Phương pháp xác định hàm lượng GA3	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
284.		Phân bón - Phần 7: Phương pháp xác định hàm lượng NAA	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/dối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
285.		Phân bón - Phần 8: Xác định hàm lượng Boron	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
286.		Phân bón - Phần 9: Xác định hàm lượng magie hòa tan	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
287.		Phân bón - Phần 10: Xác định hàm lượng lưu huỳnh hòa tan	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
288.		Phân bón - Phần 11: Xác định hàm lượng asen, cadimi, crom, chì và thủy ngân	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
289.		Phân bón - Phần 12: Xác định hàm lượng phospho chiết xuất	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
290.		Phân bón - Phần 13: Xác định hàm lượng kali tan trong nước - Phương pháp khối lượng kali tetraphenylborat	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
Bảo vệ thực vật									
291.		Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất Fenitrothion - Yêu cầu kỹ thuật và PP thử	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
292.		Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất Fenthion - Yêu cầu kỹ thuật và PP thử	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
293.		Thuốc bảo vệ thực vật – Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
294.		Thuốc bảo vệ thực vật – Phần 2: Xác định hàm lượng hoạt chất MPCA	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
295.		Thuốc bảo vệ thực vật – Phần 3: Xác định hàm lượng hoạt chất brodifacoum	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
296.		Thuốc bảo vệ thực vật – Phần 4: Xác định hàm lượng hoạt chất Epoxiconazole	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
297.		Thuốc bảo vệ thực vật – Phần 5: Xác định hàm lượng hoạt chất Mancozeb	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
298.		Thuốc bảo vệ thực vật – Phần 6: Xác định hàm lượng hoạt chất Ametryn	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
299.		Thuốc bảo vệ thực vật – Phần 7: Xác định hàm lượng hoạt chất Clothianidin	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
300.		Thuốc bảo vệ thực vật – Phần 8: Xác định hàm lượng hoạt chất Dimethomorph	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
301.		Nông sản có nguồn gốc thực vật - Xác định đa dư	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lượng thuốc trừ sâu nhóm pyrethroid (bifenthrin, cyfluthrin, cyhalothrin, cypermethrin, deltamethrin, fenprothrin, fenvalerate, permethrin ,....)							
302.		Nông sản có nguồn gốc thực vật - Xác định đa dư lượng thuốc trừ sâu nhóm Lân hữu cơ (dichlorvos, monocrotophos, phosphamidon, phenthoate, malathion, dimethoate, pyridaphenthion, diazinon,)	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
303.		Nông sản có nguồn gốc thực vật - Xác định đa dư lượng thuốc trừ sâu nhóm Chlor hữu cơ (DDT, Aldrin, Endrin, Dieldrin, Endosulfan, HCH,...)	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
304.		Thuốc trừ sâu - Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ sâu hại cây ăn quả dạng dây leo, thân bò	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			

K

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
305.		Thuốc trừ bệnh - Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ bệnh hại cây ăn quả dạng dây leo, thân bò	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
306.		Thuốc trừ bệnh - Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ các loại bệnh hại cây chôm chôm, nhãn, vải	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
307.		Thuốc trừ bệnh - Khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phòng trừ các loại bệnh hại cây dâu tây	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
Kiểm dịch thực vật									
308.		Giám định các loại nấm bệnh là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam - Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
309.		Quy trình giám định bệnh khô cành cam quýt Phoma tracheiphila (Pertri) Kantachveli & Gikachvili là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
310.		Quy trình giám định bệnh than đen lúa mì Tilletia indica Mitra là đối tượng	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kiểm dịch thực vật của Việt Nam (Schilb.) Percival							
311.		Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật - Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
312.		Quy trình giám định rệp sáp vảy San Jose' <i>Diaspidiotus perniciosus</i> (Comstock) Danzig là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
313.		Quy trình giám định một thóc <i>Sitophilus granarius</i> L. là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
314.		Quy trình giám định một to vôi <i>Caulophilus oryzae</i> là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
315.		Quy trình giám định một cứng đốt (<i>Trogoderma granarium</i> Everts) và một da vệt thận (<i>Trogoderma inclusum</i> Leconte) là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
316.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, viroid, phytoplasma gây hại thực vật – Quy định chung	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
317.		Bệnh vi khuẩn thối loét cà chua <i>Clavibacter michiganensis</i> subsp. <i>michiganensis</i> (Smith) Davis là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
318.		Phân tích nguy cơ trở thành đối tượng kiểm dịch thực vật đối với cỏ từ nước ngoài vào Việt Nam	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2018	2019			
Thực ăn chăn nuôi									
319.		Thực ăn chăn nuôi - Xác định maduramicin-amoni bằng phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao pha đảo có tạo dẫn xuất sau cột	Chấp nhận EN 15781:2009	Cục Chăn nuôi	2018	2019			
320.		Thực ăn chăn nuôi - Xác định tổng hàm lượng fumonisin B1 & B2 trong thức ăn chăn nuôi hỗn hợp - Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao pha đảo có làm sạch bằng cột miễn nhiễm với detector	Chấp nhận EN 16006:2011	Cục Chăn nuôi	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		huỳnh quang sau khi tạo dẫn xuất trước cột hoặc sau cột							
321.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng ochratoxin A bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với detector huỳnh quang và làm sạch bằng cột miễn nhiễm	Chấp nhận EN 16007:2011	Cục Chăn nuôi	2018	2019			
322.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định nicarbazin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận EN 15782:2009	Cục Chăn nuôi	2018	2019			
323.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng Auranmin O bằng phương pháp sắc ký lỏng	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	2018	2019			
324.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng Cysteamine bằng phương pháp sắc ký lỏng	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	2018	2019			
325.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng chất tạo màu Phần 1. Xác định Canthaxanthin bằng phương pháp sắc ký lỏng	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	2018	2019			
326.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng chất cấm	Xây dựng mới	Cục Chăn nuôi	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Beta agonist (Clenbuterol, salbutamol, ractopamine) bằng phương pháp sắc khối phổ							
327.		Thức ăn chăn nuôi - Lấy mẫu	Soát xét TCVN 4325:2007	Cục Chăn nuôi	2018	2019			
Giống vật nuôi									
328.		Giống lợn nội (Lũng Pù, Vân Pa, Sóc) - Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 9713:2013	Cục Chăn nuôi	2018	2019			
Thú y									
329.		Bệnh động vật - Quy trình chẩn đoán - Phần 13: Bệnh sảy thai truyền nhiễm do Brucella	Soát xét TCVN 8400-13:2011	Cục Thú y	2018	2019			
330.		Bệnh Dịch tả loài nhai lại nhỏ (Peste de petits ruminants)	Chấp nhận Tiêu chuẩn OIE	Cục Thú y	2018	2019			
331.		Bệnh động vật - Quy trình chẩn đoán - Phần 15: Bệnh xoắn khuẩn do Leptospira	Soát xét TCVN 8400-15:2011	Cục Thú y	2018	2019			
332.		Bệnh Dịch tả lợn châu Phi (African swine fever)	Chấp nhận Tiêu chuẩn OIE	Cục Thú y	2018	2019			
333.		Bệnh động vật - Quy trình chẩn đoán bệnh Dịch tả lợn	Soát xét TCVN 5273:2010	Cục Thú y	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
334.		Bệnh Hồng ly do Treponema (Swine dysentery)	Chấp nhận Tiêu chuẩn OIE	Cục Thú y	2018	2019			
335.		Bệnh động vật – Quy trình chẩn đoán – Phần 11: Bệnh dịch tả vịt	Soát xét TCVN 8400-11:2011	Cục Thú y	2018	2019			
336.		Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 6: Bệnh do Herpesvirus ở cá Koi (KHV)	Soát xét TCVN 8710-6:2011	Cục Thú y	2018	2019			
337.		Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 7: Bệnh xuất huyết mùa xuân ở cá chép (SVC)	Soát xét TCVN 8710-7:2011	Cục Thú y	2018	2019			
338.		Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 12: Bệnh vi bào tử do Enterocytozoon hepatopenaei ở tôm	Soát xét TCVN 8710-12:2011	Cục Thú y	2018	2019			
339.		Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 2: Bệnh hoại tử thần kinh ở cá biển	Soát xét TCVN 8710-2:2011	Cục Thú y	2018	2019			
340.		Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 3: Bệnh đốm trắng ở tôm	Soát xét TCVN 8710-3:2011	Cục Thú y	2018	2019			
341.		Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 4: Bệnh đầu vàng ở tôm	Soát xét TCVN 8710-4:2011	Cục Thú y	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Công trình thủy lợi									
342.		Công trình thủy lợi – Thiết bị quan trắc – Yêu cầu thiết kế	Soát xét TCVN 8215:2009	Cục Quản lý xây dựng công trình	2018	2019			
343.		Công trình thủy lợi – Thiết bị quan trắc – Yêu cầu trong thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới	Cục Quản lý xây dựng công trình	2018	2019			
344.		Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật trong khảo sát địa chất - Phần 1. Khoan máy	Soát xét TCVN 9159:2012	Cục Quản lý xây dựng công trình	2018	2019			
345.		Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật trong khảo sát địa chất - Phần 2. Khoan tay	Xây dựng mới tham khảo tài liệu	Cục Quản lý xây dựng công trình	2018	2019			
346.		Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật trong khảo sát địa chất - Phần 3. Đào	Xây dựng mới	Cục Quản lý xây dựng công trình	2018	2019			
347.		CTTL – Yêu cầu thiết kế đập bê tông đầm lăn	Xây dựng mới tham khảo TC Trung Quốc SL-314:2010	Cục Quản lý xây dựng công trình	2018	2019			
348.		CTTL - Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ	Soát xét TCVN 8419:2010	Tổng cục Phòng, Chống thiên tai	2018	2019			
349.		CTTL - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước	Soát xét TCVN 8414:2010	Tổng cục Thủy lợi	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
350.		CTTL - Quy trình quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng cống	Soát xét TCVN 8418:2010	Tổng cục Thủy lợi	2018	2019			
351.		CTTL - Đại cây chắn sóng - Khảo sát và thiết kế	Soát xét TCVN 10405:2014	Tổng cục phòng chống thiên tai	2018	2019			
352.		CTTL- Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật tưới cho cây cà phê cây chè	Xây dựng mới		2018	2019			
Thủy sản									
353.		Bệnh và xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Xây dựng mới	Tổng cục Thủy sản	2018	2019			
354.		Phương pháp lấy mẫu để kiểm tra chất lượng thức ăn bổ sung"	Xây dựng mới	Tổng cục Thủy sản	2018	2019			
355.		Bộ tiêu chuẩn lưới kéo đơn tầng đáy	Xây dựng mới	Tổng cục Thủy sản	2018	2019			
Lâm nghiệp									
356.		Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU). Phần 5. Nhóm loài cây thân gỗ lấy tinh dầu.	Xây dựng mới tham khảo tài liệu	Tổng cục Lâm nghiệp	2018	2019			
357.		Giống cây lâm	Xây dựng mới tham	Tổng cục Lâm	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nghiệp – Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) - Phần 6. Nhóm loài cây thân thảo, dây leo lấy củ.	khảo tài liệu	nghiệp					
358.		Giống cây lâm nghiệp – Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) - Phần 7. Nhóm loài tre, nứa.	Xây dựng mới tham khảo tài liệu	Tổng cục Lâm nghiệp	2018	2019			
359.		Giống cây lâm nghiệp – Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) - Phần 8. Nhóm loài song, mây	Xây dựng mới tham khảo tài liệu	Tổng cục Lâm nghiệp	2018	2019			
360.		Giống cây lâm nghiệp – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và ổn định (DUS) - Phần 4. Giống Mắc	Xây dựng mới tham khảo tài liệu	Tổng cục Lâm nghiệp	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
361.		ca Giống cây lâm nghiệp – Hạt giống – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới tham khảo tài liệu	Tổng cục Lâm nghiệp	2018	2019			
Cơ điện NN&CNSTH									
362.		Máy cấy – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	- Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn - Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2018	2019			
363.		Máy nông nghiệp tự hành - Quy trình kiểm tra đánh giá sự ổn định	Chấp nhận ISO 16231-2:2015	nt	2018	2019			
Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và muối									
364.		Hạt điều thô - Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 4850:2010	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2018	2019			
365.		Sắn lát - Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 3578:1994	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2018	2019			
366.		Thóc tẻ	Soát xét TCVN 8370:2010	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
X. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI									
367.		Luồng đường thủy nội địa - tiêu chuẩn thiết kế	Soát xét, chuyển đổi TCCS 03:2014/CĐTND	Cục Đường thủy nội địa	2018	2019			
368.		Tiêu chuẩn Nhựa đường - Phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật	M 320-15, Performance Graded Asphalt Binder; M323-14, Standard Specification for Superpave Volumetric Mix Desig	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
369.		Tiêu chuẩn Bột khoáng dùng cho bê tông nhựa - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	BS EN 13179-1:2013 (Tests for filler aggregate used in bituminous mixture - Part 1: Delta ring and ball test)	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
370.		Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012	Soát xét TCVN 9436:2012	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
371.		Tiêu chuẩn sơn chống ăn mòn - Sơn bảo vệ kết cấu thép - Tiêu chuẩn đánh giá độ dính bám - Phần 1: Phương pháp kéo nhỏ Pull off ; Phần 2: Phương pháp cắt"	ISO 16276-1÷2, Corrosion protection of steel structures by protective paint systems - Assessment of, and acceptance criteria for, the adhesion/cohesion	Viện KHCN GTVT	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			(fracture strength) of a coating						
372.		Tiêu chuẩn màng biển bảo phân quang dùng cho tín hiệu đường bộ - Thi công và nghiệm thu	QCVN 41: 2016/BGTVT; QCVN 83: 2015/BGTVT; TCVN 7887:2008; Converter Handbook Main Report/ Production Standards Manual của hãng 3M - Mỹ	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
373.		Tiêu chuẩn thiết kế cho xe buýt nhanh BRT	Bus Rapid Transit Service Design Guidelines	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
374.		Hệ thống căng kéo cáp dự ứng lực - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	ASTM A416; GB/T 14370	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
375.		Ứng dụng đường sắt - Thống tin liên lạc, tín hiệu và các hệ thống xử lý - Các hệ thống điện tử liên quan đến an toàn chạy tàu của tín hiệu đường sắt.	Chuyển dịch hoàn toàn từ bộ tiêu chuẩn EN 50129 ngày 12-01-2002	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
376.		Quy trình thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	Xây dựng trên cơ sở tham khảo 22TCN 332-06	Viện KHCN GTVT	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
377.		Tiêu chuẩn Quy trình đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo 22TCN 333-06	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
378.		Quy trình thí nghiệm xác định độ hao mòn của cốt liệu theo phương pháp Los-Algeles	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo 22TCN 318-04	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
379.		Vật tư, vật liệu, phụ kiện sử dụng trong công tác bảo trì công trình đường sắt	Rà soát Tiêu chuẩn TCCS 04:2014/VNRA	Cục ĐSVN	2018	2019			
380.		Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường sắt		Viện KHCN GTVT	2018	2019			
381.		Tiêu chuẩn thi công cầu	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo TCCS 02:2011/TCĐBVN	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
382.		Tiêu chuẩn Xác định độ chặt nền, mặt đường bằng phương pháp dao dai	22TCN 02-71	Viện KHCN GTVT	2018	2019			
383.		Sơn và vecni- Phương pháp xác định độ tương phản	Sửa đổi, bổ sung TCVN 2095:1993	Đại học CNGTVT	2018	2019			
384.		Tiêu chuẩn Sơn và vecni- Phương pháp xác định độ bền chống ăn mòn theo chu kỳ ướt/ khô/ ẩm/tia cực tím	Cần thiết. Xây dựng trên cơ sở ISO 11997-1 y" và ISO 11997-2	Đại học CNGTVT	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
385.		Son bảo vệ kết cấu thép - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Sửa đổi bổ sung TCVN 8789:2011	Đại học CNGTVT	2018	2019			
386.		Các ứng dụng đường sắt – Cung cấp điện và đầu máy toa xe – Tiêu chí kỹ thuật để phối hợp giữa cung cấp điện (trạm biến áp) và đầu máy toa xe	IEC62313:2009	Đại học CNGTVT	2018	2019			
387.		Các ứng dụng đường sắt – Điều điện môi trường cho thiết bị – Thiết bị đầu máy toa xe trên tàu	IEC62498-1-2010	Đại học CNGTVT	2018	2019			
388.		Công trình biển cố định – phần 6: Kết cấu – Thiết kế kết cấu bê tông cốt thép	Bổ sung cập nhật TCVN 6170-6:	Cục ĐKVN	2018	2019			
389.		Công trình biển cố định – phần 7: Kết cấu – Thiết kế móng	Bổ sung cập nhật TCVN 6170-7:	Cục ĐKVN	2018	2019			
390.		Công trình biển cố định – phần 9: Kết cấu – Giàn thép kiểu jacket	Bổ sung cập nhật TCVN 6170-9:	Cục ĐKVN	2018	2019			
391.		Công trình biển cố định – phần 10: Kết cấu – Giàn trọng lực bê tông	TCVN 6170-10	Cục ĐKVN	2018	2019			
392.		Phương tiện giao thông đường bộ - Tâm báo hiệu	Chuyển đổi từ tiêu chuẩn ECE 70	Cục ĐKVN	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phía sau cho xe hạng nặng và dài – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử							
393.		Phương tiện giao thông đường bộ – Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải	Sửa đổi, bổ sung TCVN 6438:2005 & Quyết định 49/2011/QĐ-TTg	Cục ĐKVN	2018	2019			
394.		Phương tiện giao thông ĐS – Hệ thống thông tin tín hiệu và xử lý – Các hệ thống tín hiệu điện tử liên quan đến an toàn.	Xây dựng mới, tham khảo tiêu chuẩn EC 50129.	Cục ĐKVN	2018	2019			
395.		Phương tiện giao thông ĐS – Kết cấu thân phương tiện – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	Xây dựng mới, tham khảo EN 12663.	Cục ĐKVN	2018	2019			

XI- BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

THÉP LÀM CỐT BÊ TÔNG, LƯỚI, DÂY, SỢI (Xây dựng 9 TCVN trong đó xây dựng mới 07 TCVN, soát xét 02 TCVN)

396.		Thép cốt bê tông cán nóng - Phần 1: Thép thanh tròn trơn	SX TCVN 1651-1:2008 Tham khảo ISO 6935-2:2015, JIS G 3112:2010, GB 1499-1:2008	TCVN/TC 17 Thép	2018	2019			
397.		Thép cacbon và thép hợp kim thấp – Phương pháp phân tích bằng quang phổ phát xạ chân không	SX TCVN 8998:2011 chấp nhận ASTM E 415-2017	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
398.		Thép sợi dùng trong bê tông - Định nghĩa và đặc điểm kỹ thuật	Chấp nhận ISO 13270:2013	nt	2018	2019			
399.		Thép sợi - Kích thước và dung sai	Chấp nhận ISO 16124:2015	nt	2018	2019			
400.		Lưới dây thép - Định nghĩa và đặc điểm kỹ thuật	Chấp nhận ISO 17745:2016	nt	2018	2019			
401.		Lưới và cuộn sợi thép - Định nghĩa và đặc điểm kỹ thuật	Chấp nhận ISO 17746:2016	nt	2018	2019			
402.		Dây thép và sản phẩm từ dây thép - Phần 1: Yêu cầu chung về phương pháp thử	Chấp nhận ISO 22034-1:2007	nt	2018	2019			
403.		Dây thép và sản phẩm từ dây thép - Phần 2: Dung sai kích thước dây	Chấp nhận ISO 22034-2:2016	nt	2018	2019			
404.		Thép mạ kẽm dùng làm cốt bê tông	Chấp nhận ISO 14657:2005	nt	2018	2019			
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ (Soát xét 13 TCVN)									
405.		PTGTĐB - Thiết bị phanh của xe cơ giới, moóc, bán moóc - Yêu cầu và	Soát xét TCVN 6919:2001 Tham khảo ECE 13	TCVN/TC 22 Phương tiện	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phương pháp thử trong phê duyệt kiểu		<i>giao thông đường bộ</i>					
406.		PTGTĐB - Thiết bị phanh của ô tô con. Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Soát xét TCVN 7228:2002Tham khảo ECE 13H	nt					
407.		PTGTĐB - Đai an toàn và hệ thống ghế - Đai an toàn cho người lớn. Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Soát xét TCVN 7001:2002 Tham khảo ECE 16	nt	2018	2019			
408.		PTGTĐB - Còi - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	SX TCVN 6923:2001 Tham khảo ECE 28	nt	2018	2019			
409.		PTGTĐB - Lớp hơi ô tô con và moóc kéo theo. Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	SX TCVN 7226:2002 Tham khảo ECE 30	nt	2018	2019			
410.		PTGTĐB - Thiết bị đo tốc độ và việc lắp đặt trên phương tiện cơ giới - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	TCVN 6956:2001	nt	2018	2019			
411.		PTGTĐB - Gương chiếu hậu - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	SX TCVN 6769:2001 Tham khảo ECE 46	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
412.		PTGTĐB - Lớp hơi dùng cho xe cơ giới và moóc và bán moóc kéo theo. Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	SX TCVN 7227:2002 Tham khảo ECE 54	nt	2018	2019			
413.		PTGTĐB - Lớp hơi cho mô tô và xe máy - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	SX TCVN 6771:2001 Tham khảo ECE 75	nt	2018	2019			
414.		PTGTĐB - Thiết bị lái của ô tô và moóc, bán moóc - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	SX TCVN 6786:2001 Tham khảo ECE 79	nt	2018	2019			
415.		PTGTĐB - Hệ thống phanh của mô tô, xe máy - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	SX TCVN 6824:2001 Tham khảo ECE 78	nt	2018	2019			
416.		PTGTĐB - Tiếng ồn phát ra từ mô tô - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	SX TCVN 7881:2008 Tham khảo ECE 41		2018	2019			
417.		PTGTĐB - Tiếng ồn phát ra từ xe máy - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	SX TCVN 7882:2008 Tham khảo ECE 63	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
THỬ KHÔNG PHÁ HỦY (Xây dựng 11 TCVN trong đó xây dựng mới 08 TCVN và soát xét 03 TCVN)									
418.		Thử không phá hủy - Trình độ chuyên môn và cấp chứng chỉ cá nhân NDT	SX TCVN 5868:2009 Chấp nhận ISO 9712:2012	TCVN/TC 135 Thử không phá hủy	2018	2019			
419.		Thử không phá hủy mối hàn - Thử siêu âm - Kỹ thuật, mức thử nghiệm và đánh giá	Chấp nhận ISO 17640:2017	nt	2018	2019			
420.		Thử không phá hủy - Thử thâm thấu - Phần 1: Nguyên lý chung	Chấp nhận ISO 3452-1:2013	nt	2018	2019			
421.		Thử không phá hủy - Thử thâm thấu - Phần 2: Thử nghiệm các vật liệu thâm thấu	Chấp nhận ISO 3452-2:2013	nt	2018	2019			
422.		Thử không phá hủy - Thử thâm thấu - Phần 3: Các khối thử nghiệm chuẩn	Chấp nhận ISO 3452-3:2013	nt	2018	2019			
423.		Thử không phá hủy - Thử thâm thấu - Phần 4: Thiết bị	Chấp nhận ISO 3452-4:1998	nt	2018	2019			
424.		Thử không phá hủy - Thử thâm thấu - Phần 5: Thử	Chấp nhận ISO 3452-5:2008	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thẩm thấu tại nhiệt độ cao hơn 50 °C							
425.		Thử không phá hủy - Thử thẩm thấu - Phần 6: Thử thẩm thấu tại nhiệt độ thấp hơn 10 °C	SX TCVN 4617:1988 Chấp nhận ISO 3452-6:2008/	nt	2018	2019			
426.		Thử không phá hủy - Thử hạt từ - Phần 1: Nguyên lý chung	Chấp nhận ISO 9934-1:2015	nt	2018	2019			
427.		Thử không phá hủy - Thử hạt từ - Phần 2: Môi trường phát hiện	Chấp nhận ISO 9934-2:2015	nt	2018	2019			
428.		Thử không phá hủy - Thử hạt từ - Phần 3: Thiết bị	SXTCVN 4396:1986 Chấp nhận ISO 9934-3:2015/	nt	2018	2019			
THÉP KHÔNG GỈ, THÉP TÂM (Xây dựng 08 TCVN trong đó xây dựng mới 2 TCVN, soát xét 06 TCVN)									
429.		Thép không gỉ công dụng chung - Phần 2: Thanh, dây, hình chịu ăn mòn.	Chấp nhận ISO 16143-2:2014	TCVN/TC 17 <i>Thép</i>	2018	2019			
430.		Thép không gỉ công dụng chung - Phần 3: Sợi	Chấp nhận ISO 16143-3:2014	nt	2018	2019			
431.		Thép tấm cacbon cán nguội chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt	SX TCVN 7858:2008 (ISO 3574:1999) Chấp nhận ISO 3574:2012	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
432.		Thép tấm các bon mạ kẽm nhúng nóng liên tục chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt	SX TCVN 7859:2008 (ISO 3575:2005), Chấp nhận ISO 3575:2016	nt	2018	2019			
433.		Thép tấm kết cấu cán nóng <i>Hot-rolled steel sheet of structural quality</i>	SX TCVN 6522:2008 (ISO 4995:2001), Chấp nhận ISO 4995:2014	nt	2018	2019			
434.		Thép tấm kết cấu cán nóng có giới hạn chảy cao	SX TCVN 6523:2006 Chấp nhận ISO 4996:2014	nt	2018	2019			
435.		Thép tấm kết cấu cán nguội	SX TCVN 6524:2006 (ISO 4997:1999), Chấp nhận ISO 4997:2015	nt	2018	2019			
436.		Thép tấm cacbon kết cấu mạ kẽm nhúng nóng liên tục	SX TCVN 6525:2008 (ISO 4998:2005), Chấp nhận ISO 4998:2014	nt	2018	2019			
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ (DÙNG ĐIỆN, ẮC QUY, PIN NHIÊN LIỆU) (Xây dựng mới 08 TCVN, soát xét 02 TCVN)									
437.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Tủ vung	SX TCVN 9053:2011 (ISO 8713:2005) Chấp nhận ISO 8713:2012	TCVN/TC 22 <i>Phương tiện giao thông đường bộ</i>	2018	2019			
438.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Tủ	Chấp nhận ISO 12405-1:2011	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tính năng bộ pin xe điện Lithium-ion – Phần 1: Ứng dụng công suất cao							
439.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện- Thử tính năng bộ pin xe điện lithium-ion - Phần 2: Ứng dụng hiệu suất năng lượng cao.	Chấp nhận ISO 12405-2:2012	nt	2018	2019			
440.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Thử tính năng bộ pin xe điện lithium-ion và hệ thống - Phần 3: Yêu cầu vận hành an toàn	Chấp nhận ISO 12405-3:2014	nt	2018	2019			
441.		Phương tiện giao thông đường bộ dẫn động điện - Yêu cầu an toàn- Phần 4 : An toàn điện khi va chạm.	Chấp nhận ISO 6469-4:2015	nt	2018	2019			
442.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện - Tiêu thụ năng lượng và quãng đường chạy chuẩn - Quy trình thử cho xe khách và xe thương mại hạng nhẹ	Chấp nhận ISO 8714:2002	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
443.		Phương tiện giao thông đường bộ - Bộ kết nối điện bom nhiên liệu	Chấp nhận ISO 9534:1989	nt	2018	2019			
444.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện - Thứ tính năng cho hệ thống pin Lithium- ion kết hợp với ắc quy chì axit hoặc tụ điện	Chấp nhận ISO 18300:2016	nt	2018	2019			
445.		Phương tiện giao thông đường bộ Pin nhiên liệu- yêu cầu an toàn- Bảo vệ chống mối nguy hiểm từ Hydro cho phương tiện sử dụng nhiên liệu hydro nén	SX TCVN 9057:2011 phần 1, 2, 3: 2011 (ISO 23273-1,2,3:2006) Chấp nhận ISO 23273:2013	nt	2018	2019			
446.		Phương tiện giao thông đường bộ Pin nhiên liệu - Đo tiêu thụ năng lượng - Phương tiện sử dụng nhiên liệu Hydro nén	Chấp nhận ISO 23828:2013	nt	2018	2019			
HÀN KIM LOẠI (Xây dựng 10.TCVN trong đó xây dựng mới 9 TCVN, soát xét 01 TCVN)									
447.		Nhân sự hàn - Kiểm tra Chấp nhận thợ hàn máy và thợ cài đặt hàn đối với hàn cơ khí hóa và tự động hóa vật liệu kim loại	Chấp nhận ISO 14732:2013	TCVN/TC 44 Quá trình hàn	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
448.		Hàn và các quá trình liên quan - Các loại chuẩn bị mối nối - Phần 1: Hàn hồ quang điện cực nóng chảy bằng tay, hàn hồ quang điện cực nóng chảy trong môi trường khí bảo vệ, hàn khí, hàn TIG và hàn chùm tia cho thép	Chấp nhận ISO 9692-1:2013	nt	2018	2019			
449.		Hàn và các quá trình liên quan - Chuẩn bị mối nối - Phần 2: Hàn hồ quang dưới lớp thuốc cho thép	Chấp nhận ISO 9692-2:1998	nt	2018	2019			
450.		Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Kiểm tra tổ chức thô đại và tế vi của mối hàn	Chấp nhận ISO 17639:2003	nt	2018	2019			
451.		Hàn - Mối hàn nóng chảy ở thép, niken, titan và các hợp kim của chúng (trừ hàn bằng chùm tia) - Mức chất lượng đối với khuyết tật	SX TCVN 7472:2005 (ISO 5817:2003) Chấp nhận ISO 5817:2014	nt	2018	2019			
452.		Đặc tính kỹ thuật và Chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy	Chấp nhận ISO 15614-12:2014	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		trình hàn – Phần 12: Hàn điểm, đường và hàn gờ nổi							
453.		Đặc tính kỹ thuật và Chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại – Thử quy trình hàn – Phần 13: Hàn ép chôn (giáp mép điện trở) và hàn chày giáp mép	Chấp nhận ISO 15614-13:2012	nt	2018	2019			
454.		Đặc tính kỹ thuật và Chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại – Thử quy trình hàn – Phần 14: Hàn hỗn hợp laze-hồ quang thép, niken và hợp kim niken	Chấp nhận ISO 15614-14:2013	nt	2018	2019			
455.		Đặc tính kỹ thuật và Chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại – Chấp nhận bởi quy trình hàn tiêu chuẩn	Chấp nhận ISO 15612:2004	nt	2018	2019			
456.		Đặc tính kỹ thuật và Chấp nhận các quy trình hàn vật liệu kim loại – Chấp nhận trên cơ sở thử hàn trước khi sản xuất	Chấp nhận ISO 15613:2004	nt	2018	2019			
Ổ LĂN Ổ ĐỠ (Xây dựng mới 8 TCVN)									
457.		Ổ lăn – Con lăn trụ bằng thép – Kích thước và dung sai	Chấp nhận ISO 12297:2012	TCVN/TC 4 Ổ lăn, ổ đỡ	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
458.		Ổ lăn – Biên dạng rãnh dẫn cho ổ lăn trượt thẳng – Phần 1: Kích thước biên và dung sai cho loại 1, 2 và 3.	Chấp nhận ISO 12092-1:2011	nt	2018	2019			
459.		Ổ lăn – Biên dạng rãnh dẫn cho ổ lăn trượt thẳng – Phần 2: Kích thước biên và dung sai cho loại 4 và 5	Chấp nhận ISO 12090-2:2011	nt	2018	2019			
460.		Ổ lăn – Phụ kiện dùng trong ổ lăn trượt thẳng – Phần 1: Kích thước biên và dung sai cho loại 1 và 3	Chấp nhận ISO 13012-1:2009	nt	2018	2019			
461.		Ổ lăn – Phụ kiện dùng trong ổ lăn trượt thẳng – Phần 2: Kích thước biên và dung sai cho loại 5	Chấp nhận ISO 13012-2:2009	nt	2018	2019			
462.		Ổ lăn - Ổ lăn trượt thẳng – Từ vựng	Chấp nhận ISO 24393:2008	nt	2018	2019			
463.		Ổ lăn - Ổ lăn tiếp xúc rãnh góc đơn – Kích thước cắt cho vòng ngoài và mặt đỡ	Chấp nhận ISO 12044:2014	nt	2018	2019			
464.		Ổ lăn - Ổ đỡ có lỗ bi – Kích thước và dung sai	Chấp nhận ISO 20515:2012	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM (Xây dựng 7 TCVN trong đó xây dựng mới 02 TCVN, soát xét 05 TCVN)									
465.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm - Profile, ống, thanh, dây đùn ép - Phần 1: Điều kiện kỹ thuật để kiểm tra và cung cấp	SX TCVN 5838:1994Chấp nhận ISO 6362-1:2012	TCVN/TC 79 Nhôm và hợp kim nhôm	2018	2019			
466.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm - Profile, ống, thanh, dây đùn ép - Phần 2: Tính chất cơ lý	SX TCVN 5839:1994Chấp nhận ISO 6362-2:2014	nt	2018	2019			
467.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm - Profile, ống, thanh, dây đùn ép - Phần 3: Thanh chữ nhật đùn ép - Dung sai kích thước và hình dạng	SX TCVN 5840:1994Chấp nhận ISO 6362-3:2012	nt	2018	2019			
468.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm - Profile, ống, thanh, dây đùn ép - Phần 4: Profile - Dung sai kích thước và hình dạng.	SX TCVN 5841:1994Chấp nhận ISO 6362-4:2012	nt	2018	2019			
469.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm - Profile, ống, thanh, dây đùn ép - Phần 5: Thanh sáu cạnh, vuông, tròn - Dung sai kích thước và hình dạng	SX TCVN 5842:1994Chấp nhận ISO 6362-5:2012	nt	2018	2019			
470.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm - Profile, ống,	Chấp nhận ISO 6362-6:2012	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thanh, dây đùn ép - Phần 6: Ống sáu cạnh, chữ nhật, vuông, tròn - Dung sai kích thước và hình dạng							
471.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm - Profile, ống, thanh, dây đùn ép - Phần 7: Thành phần hóa học	Chấp nhận ISO 6362-7:2014	nt	2018	2019			
CẢN TRỤC (Xây dựng 07 TCVN trong đó xây dựng mới 6 TCVN, soát xét 01 TCVN)									
472.		Cản trục - Từ vừng - Phần 3: Cản trục thấp	TCVN 8242-3:2009 Chấp nhận ISO 4306-3:2016	TCVN/TC 96 Cản cầu	2018	2019			
473.		Cản trục - Đào tạo người lái - Phần 1: Quy định chung	Chấp nhận ISO 9926-1:1990	nt	2018	2019			
474.		Cản trục - Đào tạo người lái - Phần 3: Cản trục thấp	Chấp nhận ISO 9926-3:2016	nt	2018	2019			
475.		Cản trục - Yêu cầu về năng lực đối với người lái/vận hành, móc tải, đánh tín hiệu và phụ trợ	Chấp nhận ISO 15513:2000	nt	2018	2019			
476.		Cản trục - Các tín hiệu bằng tay sử dụng với cản trục	Chấp nhận ISO 16715:2014	nt	2018	2019			
477.		Cản trục - Yêu cầu về năng lực đối với nhân viên kiểm tra cản trục	Chấp nhận ISO 23814:2009	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
478.		Cần trục – Đào tạo người móc tải và đánh tín hiệu	Chấp nhận ISO 23853:2004	nt	2018	2019			
MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ (soát xét 02 TCVN)									
479.		Tủ lạnh bày hàng – Phần 1: Tủ vung	SX TCVN 9982-1:2013 (ISO 23953-1:2005/Amd 1:2012) Chấp nhận ISO 23953-1:2015/	TCVN/TC 86 <i>Máy lạnh và điều hòa không khí</i>	2018	2019			
480.		Tủ lạnh bày hàng – Phần 2: Phân loại, yêu cầu và điều kiện thử	SX TCVN 9982-2:2013 (ISO 23953-2:2005/Amd 1:2012) Chấp nhận ISO 23953-2:2015/	nt	2018	2019			
THANG MÁY (Xây dựng mới 2 TCVN)									
481.		Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy - Thang máy ứng dụng riêng cho chở người và chở hàng – Phần 40: Thang bậc và sàn nâng vận chuyển theo phương nghiêng sử dụng cho người khuyết tật vận động	Chấp nhận EN 81-40:2008	TCVN/TC 178 <i>Thang máy và băng tải chở khách</i>	2018	2019			
482.		Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp toàn thang máy – Thang máy ứng dụng	Chấp nhận EN 81-41:2010	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		riêng cho chở người và chở hàng – Phần 41: Sản phẩm vận chuyển theo phương thẳng đứng sử dụng cho người khuyết tật vận động							
DỤNG CỤ CẦM TAY (Xây dựng mới 11 TCVN)									
483.		Sản phẩm bằng vật liệu mài kết dính – Kích thước – Phần 11: Thanh mài tay	Chấp nhận ISO 603-11:1999	TCVN/TC 29 <i>Dụng cụ cầm tay</i>	2018	2019			
484.		Sản phẩm bằng vật liệu mài kết dính – Kích thước – Phần 12: Bánh mài dùng để tẩy và làm sạch ba via trên máy mài thẳng	Chấp nhận ISO 603-12:1999	nt	2018	2019			
485.		Sản phẩm bằng vật liệu mài kết dính – Kích thước – Phần 13: Bánh mài dùng để tẩy và làm sạch ba via trên máy mài đứng	Chấp nhận ISO 603-13:1999	nt	2018	2019			
486.		Sản phẩm bằng vật liệu mài kết dính – Kích thước – Phần 14: Bánh mài dùng để tẩy và làm sạch ba via trên máy mài góc	Chấp nhận ISO 603-14:1999	nt	2018	2019			
487.		Sản phẩm bằng vật liệu mài kết dính – Kích thước – Phần 15: Bánh mài dùng để cắt rời trên máy cố định hoặc di động	Chấp nhận ISO 603-15:1999	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng, TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
488.		Sản phẩm bằng vật liệu mài kết dính – Kích thước – Phần 16: Bánh mài dùng để cắt rời trên máy cầm tay	Chấp nhận ISO 603-16:1999	nt	2018	2019			
489.		Sản phẩm bằng vật liệu mài kết dính – Kích thước -Phần 17: Trục gá bánh mài	Chấp nhận ISO 603-17:2014	nt	2018	2019			
490.		Sản phẩm bằng vật liệu mài kết dính – Kích thước – Phần 18: Bánh mài dùng để mài gờ kính phẳng	Chấp nhận ISO 603-18:2013	nt	2018	2019			
491.		Dao phay mặt đầu và vai có gắn mảnh cắt – Kích thước	Chấp nhận ISO 6462:2011	nt	2018	2019			
492.		Dao phay mặt mặt đầu và mặt bên có gắn mảnh cắt – Kích thước	Chấp nhận ISO 6986:2013	nt	2018	2019			
493.		Mũi khoan có gắn mảnh cắt – Chuôi trụ có mặt phẳng song song	Chấp nhận ISO 9766:2012	nt	2018	2019			
LINH KIỆN BÁN DẪN (Xây dựng mới 10 TCVN)									
494.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 5: Thử nghiệm tuổi thọ thiên áp độ ẩm của nhiệt độ trạng thái ổn định	Chấp nhận IEC 60749-5:2017	TCVN/TC/E3 <i>Thiết bị điện tử dân dụng</i>	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
495.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 20: Khả năng chịu đựng của SMD bọc nhựa đối với các hiệu ứng kết hợp ẩm và nhiệt hàn	Chấp nhận <u>IEC 60749-20:2008</u>	nt	2018	2019			
496.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 24: Khả năng chịu ẩm tăng tốc - Thử nghiệm HAST không chịu ảnh hưởng	Chấp nhận IEC 60749-24:2004	nt	2018	2019			
497.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 25: Chu kỳ nhiệt độ	Chấp nhận IEC 60749-25:2003	nt	2018	2018			
498.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 28: Thử nghiệm độ nhạy với phóng tĩnh điện (ESD) - Mô hình thiết bị nạp điện (CDM) - mức linh kiện)	Chấp nhận <u>IEC 60749-28:2017</u>	nt	2018	2019			
499.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm	Chấp nhận <u>IEC 60749-29:2011</u>	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		ơ khí và khí hậu - Phần 29: Thử nghiệm ngắn mạch							
500.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 31: Khả năng cháy của linh kiện trong vỏ bọc nhựa (từ bên trong)	Chấp nhận IEC 60749-31:2002	nt	2018	2019			
501.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 33: Khả năng chịu ẩm tăng tốc - Chung áp không chịu ảnh hưởng	Chấp nhận IEC 60749-33:2004	nt	2018	2019			
502.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 36: Gia tốc, trạng thái ổn định	Chấp nhận IEC 60749-36:2003	nt	2018	2019			
503.		Linh kiện bán dẫn - Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu - Phần 37: Phương pháp thử nghiệm thả rơi tám mạch nằm ngang bằng cách sử dụng gia tốc kế	Chấp nhận IEC 60749-37:2008	nt	2018	2019			
LINH KIỆN ĐIỆN TỬ (Xây dựng mới 04 TCVN)									
504.		Hệ thống mã dùng cho điện trở và tụ điện	Chấp nhận IEC 60062:2016	TCVN/TC/E3 Thiết bị điện tử	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
				<i>dân dụng</i>					
505.		Dãy số ưu tiên đối với điện trở và tụ điện	Chấp nhận IEC 60063:2015	nt	2018	2019			
506.		Phương pháp đo độ không tuyến tính của điện trở	Chấp nhận IEC 60440:2012	nt	2018	2019			
507.		Thông tin hướng dẫn về việc áp dụng các tụ điện, điện trở, cuộn cảm và các bộ lọc hoàn chỉnh để triệt các nhiễu điện từ	Chấp nhận IEC 60940:2015	nt	2018	2019			
TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ (Xây dựng mới 04 TCVN)									
508.		Thiết bị y tế, khoa học và công nghiệp - Đặc tính nhiễu tần số vô tuyến - Giới hạn và phương pháp đo	Chấp nhận CISPR 11:2016	TCVN/TC/E9 Tương thích điện từ	2018	2019			
509.		Tương thích điện từ - Yêu cầu đối với thiết bị điện gia dụng, dụng cụ điện và các thiết bị tương tự - Phần 1: Phát xạ	Chấp nhận CISPR 14-1:2016	nt	2018	2019			
510.		Tương thích điện từ - Yêu cầu đối với thiết bị điện gia dụng, dụng cụ điện và các thiết bị tương tự - Phần 2: Miễn nhiễm - Tiêu chuẩn họ sản phẩm	Chấp nhận CISPR 14-2:2015	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
511.		Giới hạn và phương pháp đo đặc tính nhiễu tần số radio của thiết bị chiếu sáng và thiết bị tương tự	Chấp nhận CISPR 15:2013	nt	2018	2019			
PHƯƠNG PHÁP ĐO TÍNH NĂNG THIẾT BỊ ĐIỆN GIA DỤNG (Xây dựng mới 08 TCVN)									
512.		Thiết bị nấu bằng điện dùng trong gia đình – Phần 1: Lò liên bếp, lò nướng, lò nướng bằng hơi nước và vi nướng – Phương pháp đo tính năng	Chấp nhận IEC 60350-1:2016	TCVN/TC/E2 Thiết bị điện dân dụng	2018	2019			
513.		Thiết bị nấu bằng điện dùng trong gia đình – Phần 2: Bếp điện – Phương pháp đo tính năng	Chấp nhận IEC 60350-2:2011	nt	2018	2019			
514.		Lò vi sóng dùng trong gia đình – Phương pháp đo tính năng	Chấp nhận IEC 60705: 2014	nt	2018	2019			
515.		Bếp nướng bánh mì bằng điện dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phương pháp đo tính năng	Chấp nhận IEC 60442:2003	nt	2018	2019			
516.		Phương pháp đo tính năng của tấm giữ ẩm bằng điện dùng trong gia đình và các mục đích tương tự	Chấp nhận IEC 60496:1975 AMD1:1977 & AMD2:1992	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
517.		Thiết bị chế biến thực phẩm hoạt động bằng điện – Phương pháp đo tính năng	Chấp nhận IEC 60619:1993; AMD1:1995 & AMD2:2004	nt	2018	2019			
518.		Bếp rán ngập dầu dùng trong gia đình – Phương pháp đo tính năng	Chấp nhận IEC 61309:1995	nt	2018	2019			
519.		Bàn là điện dùng trong gia đình và mục đích tương tự - Phương pháp đo tính năng	Chấp nhận IEC 60311:2016	nt	2018	2019			
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN (Xây dựng mới 6 TCVN)									
520.		Dây và cáp điện – Cáp mềm có cách điện và vỏ bọc bằng nhựa nhiệt dẻo không có halogen điện áp danh định đến và bằng 300/300 V – Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 63010-1:2017	TCVN/TC/E4 Dây và cáp điện	2018	2019			
521.		Dây và cáp điện – Cáp mềm có cách điện và vỏ bọc bằng nhựa nhiệt dẻo không có halogen điện áp danh định đến và bằng 300/300 V – Phần 2: Phương pháp thử nghiệm	Chấp nhận IEC 63010-2:2017	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
522.		Dây và cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp đùn cho điện áp trên 30 kV (Um=36 kV) đến 150 kV (Um = 170 kV) – Yêu cầu chung và phương pháp thử nghiệm	Chấp nhận IEC 60840:2011	nt	2018	2019			
523.		Dây và cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp đùn cho điện áp trên 150 kV (Um=170 kV) đến 500 kV (Um = 550 kV) – Yêu cầu chung và phương pháp thử nghiệm	Chấp nhận IEC 62067:2011	nt	2018	2019			
524.		Dây nhôm lõi thép đùng cho kỹ thuật điện	Chấp nhận IEC 61232:1993	nt	2018	2019			
525.		Dây trần bằng đồng và nhôm lõi thép đùng cho đường dây tải điện trên không - Yêu cầu chung và phương pháp thử	Tự xây dựng tham khảo JISC 3105 và BS 7884	nt	2018	2019			
MÁY PHÁT ĐIỆN BĂNG SỨC GIÓ (Xây dựng mới 2 TCVN)									
526.		Tuabin gió – Phần 21: Đo và đánh giá đặc tính chất lượng điện năng của tua bin gió nổi lưới	Chấp nhận IEC 61400-21:2008	TCVN/TC/E13 Năng lượng tái tạo	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
527.		Tuabin gió – Phần 22: Thử nghiệm sự phù hợp và chứng nhận	Chấp nhận IEC 61400-22:2010	nt	2018	2019			
NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI (Xây dựng mới 5 TCVN)									
528.		Bộ chuyển đổi DC/AC quang điện được kết nối lưới – Quy trình thử nghiệm đối với các biện pháp khắc phục sự cố sụt điện áp	Chấp nhận IEC TS 62910:2015	TCVN/TC/E13 Năng lượng tái tạo	2018	2019			
529.		An toàn của bộ chuyển đổi điện dùng trong hệ thống năng lượng mặt trời – Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 62109-1:2010	nt	2018	2019			
530.		An toàn của bộ chuyển đổi điện dùng trong hệ thống năng lượng mặt trời – Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với bộ chuyển đổi DC/AC	Chấp nhận IEC 62109-2:2011	nt	2018	2019			
531.		Đánh giá an toàn môđun quang điện (PV) – Phần 1: Yêu cầu về kết cấu	Chấp nhận IEC 61730-1:2016	nt	2018	2019			
532.		Đánh giá an toàn môđun quang điện (PV) – Phần 2: Yêu cầu về thử nghiệm	Chấp nhận IEC 61730-2:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/dối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
LƯỚI ĐIỆN THÔNG MINH (Xây dựng mới 2 TCVN)									
533.		Mạng và hệ thống truyền thông trong tự động hóa của công ty điện lực – Phần 5: Yêu cầu truyền thông cho chức năng và mô hình thiết bị	Chấp nhận IEC 61850-5:2013	TCVN/TC/E12 <i>Lưới điện thông minh</i>	2018	2019			
534.		Mạng và hệ thống truyền thông trong tự động hóa của công ty điện lực – Phần 10: Kiểm tra sự phù hợp	Chấp nhận IEC 61850-10:2012	nt	2018	2019			
THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG BẢNG CÔNG NGHỆ LED (Xây dựng mới 04 TCVN)									
535.		Xác định đặc trưng của khối sáng LED và bóng đèn LED đối với các đặc tính điện và quang như một hàm của nhiệt độ	Chấp nhận IES LM 82-12	TCVN/TC/E11 <i>Chiếu sáng</i>	2018	2019			
536.		Đo quang thông và độ duy trì quang thông của bóng đèn LED, khối sáng LED và đèn điện LED	Chấp nhận IES LM 84-14	nt	2018	2019			
537.		Dự đoán độ duy trì quang thông dài hạn của bóng đèn LED và đèn điện LED	Chấp nhận IES TM 28-14	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
538.		Từ vựng chiếu sáng quốc tế	Chấp nhận CIE S 017/E:2011	nt	2018	2019			
MÁY BIẾN ÁP DẪN DỤNG (Xây dựng mới 06 TCVN)									
539.		An toàn đối với máy biến áp, cuộn cảm, khối cấp nguồn và các sản phẩm tương tự - Phần 1: Yêu cầu chung và thử nghiệm	Chấp nhận IEC 61558-1:2009	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2018	2019			
540.		An toàn đối với máy biến áp, cuộn cảm, khối cấp nguồn và các sản phẩm tương tự có điện áp nguồn đến 1 100 V – Phần 2-4: Yêu cầu cụ thể và các thử nghiệm đối với máy biến áp cách ly và khối cấp nguồn có chứa máy biến áp cách ly	Chấp nhận IEC 61558-2-4:2009	nt	2018	2019			
541.		An toàn đối với máy biến áp, cuộn cảm, khối cấp nguồn và các sản phẩm tương tự có điện áp nguồn đến 1 100 V – Phần 2-6: Yêu cầu cụ thể và các thử nghiệm đối với máy biến áp cách ly an toàn và khối cấp nguồn có chứa máy biến áp cách ly an toàn	Chấp nhận IEC 61558-2-6:2009	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
542.		An toàn đối với máy biến áp, cuộn cảm, khối cấp nguồn và các sản phẩm tương tự có điện áp nguồn đến 1 100 V – Phần 2-13: Yêu cầu cụ thể và các thử nghiệm đối với máy biến áp tự ngẫu và khối cấp nguồn có chứa máy biến áp tự ngẫu	Chấp nhận IEC 61558-2-13:2009	nt	2018	2019			
543.		Máy biến áp điện lực – Phần 10: Xác định mức âm thanh	Chấp nhận IEC 60076-10:2016	nt	2018	2019			
544.		Máy biến áp điện lực – Phần 10-1: Xác định mức âm thanh – Hướng dẫn áp dụng	Chấp nhận IEC 60076-10-1:2016	nt	2018	2019			
CẦU CHÁY CỖ NHỎ (Xây dựng mới 04 TCVN)									
545.		Cầu cháy cỡ nhỏ - Phần 1: Định nghĩa đối với cầu cháy cỡ nhỏ và các yêu cầu chung đối với dây cháy cỡ nhỏ	Chấp nhận IEC 60127-1:2015	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2018	2019			
546.		Cầu cháy cỡ nhỏ - Phần 5: Hướng dẫn đánh giá chất lượng của dây cháy cỡ nhỏ	Chấp nhận IEC 60127-5:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
547.		Cầu cháy cỡ nhỏ - Phần 7: Dây cháy cỡ nhỏ dùng cho các ứng dụng đặc biệt	Chấp nhận IEC 60127-7:2015	nt	2018	2019			
548.		Dây cháy – Yêu cầu và hướng dẫn áp dụng	Chấp nhận IEC 60691:2015	nt	2018	2019			
PIN LITHIUM (Xây dựng mới 05 TCVN)									
549.		An toàn đối với pin lithium sơ cấp và thứ cấp trong quá trình vận chuyển	Chấp nhận IEC 62281:2016	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2018	2019			
550.		Pin lithium thứ cấp dùng cho truyền động của xe điện – Phần 1: Thử nghiệm tính năng	Chấp nhận IEC 62660-1:2010	nt	2018	2019			
551.		Pin lithium thứ cấp dùng cho truyền động của xe điện – Phần 2: Thử nghiệm độ tin cậy và sử dụng quá mức	Chấp nhận IEC 62660-2:2010	nt	2018	2019			
552.		Pin lithium thứ cấp dùng cho truyền động của xe điện – Phần 3: Yêu cầu về an toàn	Chấp nhận IEC 62660-3:2016	nt	2018	2019			
553.		Pin lithium thứ cấp dùng cho truyền động của xe	Chấp nhận IEC 62660-4:2017	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/dối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		điện – Phần 4: Phương pháp thử nghiệm thay thế cho thử nghiệm ngắn mạch bên trong theo IEC 62660-3							
KHÍ CỤ ĐIỆN (Xây dựng mới 03 TCVN)									
554.		Khí cụ điện – Áptomát bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các hệ thống lắp đặt tương tự - Phần 1: Áptomát dùng cho điện xoay chiều	Chấp nhận IEC 60898-1:2015 SX TCVN 6434-1:2008	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2018	2019			
555.		Khí cụ điện – Áptomát bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các hệ thống lắp đặt tương tự - Phần 2: Áptomát dùng cho điện xoay chiều và một chiều	Chấp nhận IEC 60898-2:2016	nt	2018	2019			
556.		Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp – Phần 3: Thiết bị đóng cắt, dao cách ly và khối kết hợp cầu cháy	Chấp nhận IEC 60947-3:2015	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
BÌNH ĐUN NƯỚC NÓNG CÓ DỰ TRỮ - HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (Soát xét 01 TCVN)									
557.		Bình đun nước nóng có dự trữ - Hiệu suất năng lượng	TCVN 7898:2009	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2018	2019			
THIẾT BỊ VỆ SINH (Xây dựng 7 TCVN)									
558.		Thiết bị nhà vệ sinh – Van xả áp lực và van tự ngắt PN 10 trong bồn tiểu	Chấp nhận BS EN 12541:2002	TCVN/TC29 <i>Chi tiết lắp xiết</i>	2018	2019			
559.		Bồn tiểu treo tường – Kích thước lắp nối	Chấp nhận BS EN 80:2001	nt	2018	2019			
560.		Van trong cho bồn chứa nước xả với bộ chống tràn	Chấp nhận BS EN 14124:2004	nt	2018	2019			
561.		Thiết bị vệ sinh – Van đóng mở thiết bị vệ sinh bằng điện	Chấp nhận BS EN 15091:2013	nt	2018	2019			
562.		Thiết bị nhà vệ sinh – Van tự ngắt PN 10	Chấp nhận BS EN 816:2017	nt	2018	2019			
563.		Kết nước của WC và bồn tiểu nam WC	Chấp nhận BS EN 14055:2010+A1:2015	nt	2018	2019			
564.		Thiết bị vệ sinh – Hiệu quả tiết kiệm nước	Tự nghiên cứu, xây dựng mới	nt	2018	2019			
SẢN PHẨM KHÍ (Xây dựng 11 TCVN trong đó xây dựng mới 10TCVN và soát xét 01 TCVN)									
565.		Khí thiên nhiên – Hộp chất hữu cơ sử dụng làm chất tạo mùi – Các yêu cầu và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 13734 :2013	TCVN/TC193 <i>Khí thiên nhiên</i>	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
566.		Natural gas – Odorization	Chấp nhận ISO/TR 16922:2013	nt	2018	2019			
567.		Khí thiên nhiên – Xác định các hợp chất lưu huỳnh – Phần 1: Giới thiệu chung	Chấp nhận ISO 6326-1 :2007	nt	2018	2019			
568.		Khí thiên nhiên – Xác định các hợp chất lưu huỳnh – Phần 5: Phương pháp đốt Lingen	Chấp nhận ISO 6326-5 :1989	nt	2018	2019			
569.		Khí thiên nhiên – Xác định các hợp chất lưu huỳnh bằng sắc ký khí	Chấp nhận ISO 19739 :2004	nt	2018	2019			
570.		Khí thiên nhiên – Sự tương quan giữa hàm lượng nước và điểm sương nước	Chấp nhận ISO 18453 :2013	nt	2018	2019			
571.		Khí thiên nhiên – Xác định thủy ngân – Phần 1: Lấy mẫu thủy ngân bằng phương pháp hấp phụ hóa học iốt	Chấp nhận ISO 6978-1 :2003	nt	2018	2019			
572.		Khí thiên nhiên – Xác định thủy ngân – Phần 2: Lấy mẫu thủy ngân bằng	Chấp nhận ISO 6978-2 :2003	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phương pháp tạo hỗn hợp kim vàng/platin							
573.		Khí thiên nhiên – Xác định hàm lượng nước ở áp suất cao	Chấp nhận ISO 11541 :1997	nt	2018	2019			
574.		Khí thiên nhiên – Các điều kiện tiêu chuẩn	Chấp nhận ISO 13443 :1996	nt	2018	2019			
575.		Khí dầu mỏ hóa lỏng – Yêu cầu kỹ thuật	tự xây dựng	nt	2018	2019			
NHIÊN LIỆU LỎNG (Xây dựng mới 2 TCVN, soát xét 5 TCVN)									
576.		Nhiên liệu đốt lò công nghiệp từ dầu bôi trơn đã qua sử dụng – Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ASTM D6448 - 16	TCVN/TC28 Sản phẩm dầu mỏ và dầu bôi trơn	2018	2019			
577.		Nhiên liệu nồi hơi thương mại từ dầu bôi trơn đã qua sử dụng – Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ASTM D6823 - 08(2013)	nt	2018	2019			
578.		Nhiên liệu đốt lò (FO) – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6239:2002 SX TCVN 6239:2002	nt	2018	2019			
579.		Dầu hỏa dân dụng – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6240 :2002 SX TCVN 6240 :2002	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
580.		Dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định lưu huỳnh bằng phổ huỳnh quang tán xạ năng lượng tia X	TCVN 3172 : 2008 (ASTM D 4294 - 06)	nt	2018	2019			
581.		Xăng - Xác định benzen, toluen, etylbenzen, p/m-xylene, o-xylene, chất thơm C9 và nặng hơn, và tổng các chất thơm - Phương pháp sắc ký khí	TCVN 3166 :2008 (ASTM D 5580-02)	nt	2018	2019			
582.		Sản phẩm dầu mỏ. Phương pháp xác định điểm sương	TCVN 7990 : 2008 (ASTM D 2500 -05)	nt	2018	2019			
DẦU NHỜN (Xây dựng mới 8 TCVN)									
583.		Dầu động cơ mới và đã qua sử dụng - Phương pháp xác định độ nhớt tại tốc độ trượt cao và nhiệt độ cao bằng nhớt kế mô phỏng ổ lăn côn tại nhiệt độ 150□°C	Chấp nhận ASTM D 4683 - 13	TCVN/TC28 Sản phẩm dầu mỏ và dầu bôi trơn	2018	2019			
584.		Dầu nhờn - Phương pháp xác định độ nhớt tại tốc độ trượt cao và nhiệt độ cao bằng máy đo độ nhớt	Chấp nhận ASTM D 4741 - 13	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nút côn							
585.		Dầu bôi trơn – Phương pháp xác định các thành phần phụ gia bằng phép đo phổ phát xạ nguyên tử plasma cặp cảm ứng	Chấp nhận ASTM D 4951 - 14	nt	2018	2019			
586.		Dầu gốc và dầu bôi trơn chưa qua sử dụng và đã qua sử dụng – Xác định đa thành phần bằng phép đo phổ phát xạ nguyên tử plasma cặp cảm ứng (ICP-AES)	Chấp nhận ASTM D 5185 – 13e1	nt	2018	2019			
587.		Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) – Phân loại – Phần 4: Họ H (hệ thống thủy lực)	Chấp nhận ISO 6743-4:2015	nt	2018	2019			
588.		Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) – Họ H (hệ thống thủy lực) – Yêu cầu kỹ thuật đối với các loại HH, HL, HM, HV và HG	Chấp nhận ISO 11158:2009	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
589.		Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) – Họ H (hệ thống thủy lực) – Yêu cầu kỹ thuật đối với các loại HFAE, HFAS, HFB, HFC, HFDR và HFDU	Chấp nhận ISO 12922:2012	nt	2018	2019			
590.		Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) – Họ H (hệ thống thủy lực) – Yêu cầu kỹ thuật đối với các loại HETG, HEPG, HEES và HEPR	Chấp nhận ISO 15380:2011	nt	2018	2019			
CAO SU VÀ SẢN PHẨM CAO SU (Xây dựng 14 TCVN trong đó xây dựng mới 05 TCVN, soát xét 09 TCVN)									
591.		Ống cao su gia cường sợi dùng cho khí nén - Quy định kỹ thuật	Chấp nhận ISO 2398:2016	TCVN/TC45 Cao su và sản phẩm cao su	2018	2019			
592.		Cao su lưu hoá - Thi công làm kín mối nối sử dụng giữa các phần bê tông lát đường cao tốc - Quy định kỹ thuật	Chấp nhận ISO 4635:2011	nt	2018	2019			
593.		Ống cao su và chất dẻo, không xẹp, dùng trong chữa cháy – Phần 1: Ống bán cứng dùng cho hệ	Chấp nhận ISO 4642-1:2015 SX TCVN 10525-1:2014 (ISO 4642-	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thông chữa cháy cố định	1:2009)						
594.		Ống cao su và chất dẻo, không xếp, dùng trong chữa cháy – Phần 2: Ống bán cứng (và cấu kiện ống) dùng cho máy bơm và xe chữa cháy	Chấp nhận ISO 4642-2:2015 SX TCVN 10525-2:2014 (ISO 4642-2:2009)	nt	2018	2019			
595.		Ống và cụm ống cao su hoặc chất dẻo - Thử nghiệm xung áp suất thủy lực không uốn cong	Chấp nhận ISO 6803:2008	nt	2018	2019			
596.		Ống và cụm ống cao su và chất dẻo - Hướng dẫn lựa chọn, bảo quản sử dụng và bảo trì	Chấp nhận ISO 8331:2016	nt	2018	2019			
597.		Ống và hệ ống cao su dùng cho hệ thống khí và chân không trong động cơ đốt trong - Quy định kỹ thuật	Chấp nhận ISO 11424:2017	nt	2018	2019			
598.		Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo – Xác định độ bền xé rách – Phần 1: Mẫu thử dạng quần, góc và cong lưỡi liềm	Chấp nhận ISO 34-1:2015 SX TCVN 1597-1:2013 (ISO 34-1:2010)	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
599.		Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo – Xác định độ bền xé rách – Phần 2: Mẫu thử nhỏ (Delft)	SX TCVN 1597-2:2013 (ISO 34-2:2011)Chấp nhận ISO 34-1:2015	nt	2018	2019			
600.		Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo – Xác định độ bám dính với nền cứng – Phương pháp kéo bóc 90°	SX TCVN 4867:2013 (ISO 813:2010)Chấp nhận ISO 813:2016	nt	2018	2019			
601.		Cao su thiên nhiên (NR) – Quy trình đánh giá	TCVN 10527:2014 (ISO 1658:2009) Chấp nhận ISO 1658:2015	nt	2018	2019			
602.		Cao su – Quy trình chung để chuẩn bị và ổn định mẫu thử cho các phương pháp thử vật lý	SX TCVN 1592:2013 (ISO 23529:2010)Chấp nhận ISO 23529:2016	nt	2018	2019			
603.		Ống và hệ ống cao su dùng trong hệ thống làm mát động cơ đốt trong – Yêu cầu kỹ thuật	SX TCVN 10524:2014 (ISO 4081:2010) Chấp nhận ISO 4081:2016	nt	2018	2019			
604.		Ống và cấu kiện ống cao su để hút và xả nước – Yêu cầu kỹ thuật	SX TCVN 10526:2014 (ISO 4641:2010) Chấp nhận ISO 4641:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
VÁN GỖ NHÂN TẠO (Xây dựng 08 TCVN trong đó xây dựng mới 01 TCVN, soát xét 07 TCVN)									
605.		Ván gỗ nhân tạo – Xác định độ bền uốn sau khi ngâm trong nước tại nhiệt độ 70 hoặc 100 °C (nhiệt độ sôi)	Chấp nhận ISO 20585 :2005	TCVN/TC89 Ván gỗ nhân tạo	2018	2019			
606.		Ván dăm	SX TCVN 7754 :2007 Chấp nhận ISO 16893 :2016	nt	2018	2019			
607.		Ván gỗ nhân tạo - Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	SX TCVN 7756-5:2007 Chấp nhận ISO 16983 :2003	nt	2018	2019			
608.		Ván gỗ nhân tạo - Xác định môđun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh	SX TCVN 7756-6 :2007 Chấp nhận ISO 16978 :2003	nt	2018	2019			
609.		Ván gỗ nhân tạo - Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	Chấp nhận ISO 16984:2003 SX TCVN 7756-7 :2007	nt	2018	2019			
610.		Ván gỗ nhân tạo - Xác định focmaldehyt phát tán – Phần 1: Phát thải focmaldehyt bằng phương pháp buồng 1 mét khối	SXTCVN 7756-12:2007 Chấp nhận ISO 12460-1:2007	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
611.		Ván gỗ nhân tạo - Xác định fomaldehyt phát tán - Phần 3 : Phương pháp phân tích khí	SX TCVN 7756-12 :2007 Chấp nhận ISO 12460-3 :2015	nt	2018	2019			
612.		Ván gỗ nhân tạo - Xác định fomaldehyt phát tán - Phần 5 : Phương pháp chiết (phương pháp đục lỗ)	SXTCVN 7756-12:2007 Chấp nhận ISO 12460-5 :2015	nt	2018	2019			
QUẶNG SẮT (Xây dựng mới 06 TCVN)									
613.		Viên quặng sắt dùng làm nguyên liệu lò cao và hoàn nguyên trực tiếp - Xác định độ bền nghiền	Chấp nhận ISO 4700:2015	TCVN/TC102 <i>Quặng sắt</i>	2018	2019			
614.		Quặng sắt dùng làm nguyên liệu lò cao - Xác định tính khử bằng mức độ cuối cùng của chỉ số giảm	Chấp nhận ISO 7215:2015	nt	2018	2019			
615.		Quặng sắt - Xác định hàm lượng arsen - Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử tạo hydrua	Chấp nhận ISO 17992:2013	nt	2018	2019			
616.		Quặng sắt dùng làm nguyên liệu lò cao - Xác	Chấp nhận	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch	
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác		
		định sự giảm dưới tải	ISO 7992:2015							
617.		Quặng sắt dùng làm nguyên liệu lò cao – Xác định chỉ số rạn nứt	Chấp nhận ISO 8371:2015	nt	2018	2019				
618.		Quặng sắt – Xác định hàm lượng sắt kim loại – Phương pháp chuẩn độ sắt(III) clorua	Chấp nhận ISO 16878:2016	nt	2018	2019				
CHẤT DÈO (Xây dựng mới 9 TCVN)										
619.		Chất dẻo – Màng và tấm – Xác định độ bền xé – Phần 1: Phương pháp xé ống quần	Chấp nhận ISO 6383-1:2015	TCVN/TC61 Chất dẻo	2018	2019				
620.		Chất dẻo – Màng và tấm – Xác định độ bền xé – Phần 2: Phương pháp Elmendorf	Chấp nhận ISO 6383-2:1983	nt	2018	2019				
621.		Tấm và màng chất dẻo – Xác định độ bền va đập bằng phương pháp búa rơi – Phần 1: Phương pháp bậc thang	Chấp nhận ISO 7765-1:1988	nt	2018	2019				
622.		Tấm và màng chất dẻo – Xác định độ bền va đập bằng phương pháp búa rơi – Phần 2: Phương pháp đâm xuyên bằng thiết bị	Chấp nhận ISO 7765-2:1994	nt	2018	2019				

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
623.		Chất dẻo – Màng và tấm – Xác định hệ số ma sát	Chấp nhận ISO 8295:1995	nt	2018	2019			
624.		Chất dẻo – Màng và tấm – Xác định độ kéo căng khi ướt	Chấp nhận ISO 8296:2003	nt	2018	2019			
625.		Chất dẻo – Màng và tấm – Xác định nhiệt độ nứt	Chấp nhận ISO 8570:1991	nt	2018	2019			
626.		Chất dẻo – Màng và tấm – Xác định sự thay đổi kích thước khi gia nhiệt	Chấp nhận ISO 11501:1995	nt	2018	2019			
627.		Chất dẻo – Màng và tấm – Hướng dẫn thử màng nhựa nhiệt dẻo	Chấp nhận ISO 23559:2011	nt	2018	2019			
THAN (soát xét 08 TCVN)									
628.		Nhiên liệu khoáng rắn – Xác định asen và selen – Phương pháp hỗn hợp Eschka và phát sinh hydra	SX TCVN 7986:2008 Chấp nhận ISO 11723:2016	TCVN/TC27 <i>Nhiên liệu khoáng rắn</i>	2018	2019			
629.		Nhiên liệu khoáng rắn – Xác định tổng flo trong than, cốc và tro bay	SX TCVN 7987:2008 Chấp nhận ISO 11724:2016	nt	2018	2019			
630.		Nhiên liệu khoáng rắn – Xác định tổng hàm lượng thủy ngân trong than	SX TCVN 7984:2008 Chấp nhận ISO 15237:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
631.		Nhiên liệu khoáng rắn – Xác định tổng hàm lượng cadimi trong than	SX TCVN 7985:2008 Chấp nhận ISO 15238:2016	nt	2018	2019			
632.		Than đá – Phân tích cỡ hạt bằng sàng	SX TCVN 251:2007 Chấp nhận ISO 1953:2015	nt	2018	2019			
633.		Than – Xác định khả năng thiêu kết – Thử cốc Gray-king	SX TCVN 6932:2001 Chấp nhận ISO 502:2015	nt	2018	2019			
634.		Than – Xác định thành phần khoáng	SXTCVN 4918:1989 Chấp nhận ISO 602:2015	nt	2018	2019			
635.		Than đá – Xác định chỉ số nghiền Hardgrove	SXTCVN 6015:2007 Chấp nhận ISO 5074:2015	nt	2018	2019			
NHÔM OXIT (Xây dựng mới 9 TCVN)									
636.		Nhôm oxit sử dụng để sản xuất nhôm gốc - Phân tích cỡ hạt dài từ 45 µm đến 150 µm - Phương pháp sử dụng sàng đột lỗ	Chấp nhận ISO 2926:2013	TCVN/TC47 Hóa học	2018	2019			
637.		Nhôm oxit sử dụng chủ yếu để sản xuất nhôm - Xác định diện tích bề mặt riêng bằng hấp thụ nitơ	Chấp nhận ISO 8008:2005	nt	2018	2019			
638.		Nhôm florua sử dụng trong công nghiệp – Xác định các nguyên tố vết -	Chấp nhận ISO 12926:2012	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phương pháp quang phổ huỳnh quang tia X tán xạ bước sóng sử dụng viên bột ép							
639.		Nhôm oxit sử dụng để sản xuất nhôm gốc - Xác định chỉ số mài mòn	Chấp nhận ISO 17500:2006	nt	2018	2019			
640.		Nhôm oxit sử dụng chủ yếu để sản xuất nhôm - Phương pháp xác định khối lượng riêng đồng nén và chưa nén	Chấp nhận ISO 18842:2015	nt	2018	2019			
641.		Nhôm oxit sử dụng chủ yếu để sản xuất nhôm - Phương pháp xác định thời gian chảy	Chấp nhận ISO 18843:2015	nt	2018	2019			
642.		Nhôm oxit sử dụng chủ yếu để sản xuất nhôm - Xác định hàm lượng nhôm alpha - Phương pháp sử dụng diện tích đỉnh lưới nhiễu xạ tia X	Chấp nhận ISO 19950:2015	nt	2018	2019			
643.		Nhôm oxit sử dụng chủ yếu để sản xuất nhôm - Xác định các nguyên tố vết - Phương pháp quang phổ huỳnh quang tia X tán xạ bước sóng.	Chấp nhận ISO 23201:2015	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
644.		Nhôm oxit sử dụng để sản xuất nhôm - Xác định các hạt qua sàng cỡ lỗ 20 micromet	Chấp nhận ISO 23202:2006	nt	2018	2019			
NHIÊN LIỆU LỎNG (Soát xét 05 TCVN)									
645.		Xăng không chì - Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 6776:2013	TCVN/TC 28/SC5 <i>Xăng phương pháp thử</i>	2018	2019			
646.		Nhiên liệu diesel (DO) - Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 5689:2013	nt	2018	2019			
647.		Xăng không chì pha 5 % etanol - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Soát xét TCVN 8063:2015	nt	2018	2019			
648.		Nhiên liệu diesel pha 5 % este metyl axit béo - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Soát xét TCVN 8064:2015	nt	2018	2019			
649.		Xăng không chì pha 10 % etanol - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Soát xét TCVN 8401:2015	nt	2018	2019			
VI SINH VẬT TRONG CHUỐI THỰC PHẨM (Xây dựng 07 TCVN trong đó xây dựng mới 04 TCVN, soát xét 03 TCVN)									
650.		Vi sinh vật trong chuối thực phẩm - Phát hiện và định lượng <i>Cryptosporidium</i> và <i>Giardia</i> trong quả mọng	Chấp nhận ISO 18744:2016	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		và rau xanh ăn lá							
651.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Định lượng độc tố emetic (cereulide) bằng sắc kí lỏng-phổ khối lượng hai lần (LC-MS/MS)	Chấp nhận ISO 18465:2017	nt	2018	2019			
652.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phát hiện <i>Yersinia enterocolitica</i> gây bệnh giả định	SXTCVN 8127:2009 (ISO 10273:2003) Chấp nhận ISO 10273:2017	nt	2018	2019			
653.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phát hiện <i>Cronobacter</i> spp.	SXTCVN 7850:2008 (ISO/TS 22964:2006) Chấp nhận ISO 22964:2017	nt	2018	2019			
654.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Định lượng <i>Brochthrix</i> spp. – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	SX TCVN 7139:2002 (ISO 13722:1996) Chấp nhận ISO 13722:2017	nt	2018	2019			
655.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp – Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa	Chấp nhận ISO 16140-1:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
656.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp – Phần 2: Xác nhận giá trị sử dụng của các phương pháp thay thế so với phương pháp chuẩn	Chấp nhận ISO 16140-2:2016	nt	2018	2019			
CHIẾU XẠ THỰC PHẨM (Xây dựng 08 TCVN trong đó xây dựng mới 04 TCVN, soát xét 04 TCVN)									
657.		Hướng dẫn chiếu xạ thịt gia súc và gia cầm dạng tươi, đông lạnh và đã chế biến để kiểm soát các tác nhân gây bệnh và các vi sinh vật khác	Chấp nhận ASTM F1356-16	TCVN/TC/F5 Vệ sinh thực phẩm và chiếu xạ	2018	2019			
658.		Thực hành đo liều áp dụng cho thiết bị xử lý chiếu xạ bằng chùm tia điện tử có năng lượng từ 300keV đến 25 MeV	Chấp nhận ISO/ ASTM 51649:2015	nt	2018	2019			
659.		Thực hành đo liều để xử lý bằng bức xạ	Chấp nhận ISO/ASTM 52628:2013	nt	2018	2019			
660.		Tiêu chuẩn hướng dẫn sử dụng dụng cụ chỉ thị bức xạ	SX TCVN 8230:2009 (ISO/ ASTM 51539:2005) Chấp nhận ISO/ASTM 51539:2013	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
661.		Tiêu chuẩn thực hành sử dụng hệ đo liều cộng hưởng thuận từ electron-alanin	SXTCVN 8232:2009 (ISO/ASTM 51607:2004) Chấp nhận ISO/ASTM 51607:2013	nt	2018	2019			
662.		Tiêu chuẩn thực hành sử dụng hệ đo liều cellulose triaxetat	SXTCVN 8233:2009 (ISO/ASTM 51650:2005)Chấp nhận ISO/ASTM 51650:2013	nt	2018	2019			
663.		Tiêu chuẩn thực hành đo liều áp dụng cho thiết bị chiếu xạ gamma dùng để xử lý bằng bức xạ	SXTCVN 8234:2009 (ISO/ASTM 51702:2004)Chấp nhận ISO/ASTM 51702:2013	nt	2018	2019			
664.		Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng phương pháp tính liều hấp thụ trong các ứng dụng xử lý bằng bức xạ	Chấp nhận ASTM E2232-16	nt	2018	2018			
PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ AN TOÀN THỰC PHẨM (Xây dựng mới 7 TCVN)									
665.		Các nguyên tắc về phân tích nguy cơ đối với thực phẩm sử dụng công nghệ sinh học hiện đại	Chấp nhận CAC/GL 44-2003, Amd. 2-2011	TCVN/TC/F3 Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm	2018	2019			
666.		Hướng dẫn thực hiện đánh giá an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật tái tổ hợp DNA	Chấp nhận CAC/GL 45-2003, Amd. 1-2008	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
667.		Hướng dẫn thực hiện đánh giá an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc từ vi sinh vật tái tổ hợp DNA	Chấp nhận CAC/GL 46-2003	nt	2018	2019			
668.		Hướng dẫn thực hiện đánh giá an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc từ động vật tái tổ hợp DNA	Chấp nhận CAC/GL 68-2008	nt	2018	2019			
669.		Nguyên tắc và hướng dẫn thực hiện quản lý nguy cơ vi sinh vật	Chấp nhận CAC/GL 63-2007, Amd. 1-2008	nt	2018	2019			
670.		Hướng dẫn phân tích nguy cơ kháng kháng sinh lây truyền qua thực phẩm	CAC/GL 77-2011	nt	2018	2019			
671.		Hướng dẫn áp dụng các nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm để kiểm soát kí sinh trùng lây truyền qua thực phẩm	Chấp nhận CAC/GL 88-2016	nt	2018	2019			
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM (<i>Xây dựng 05 TCVN trong đó xây dựng mới 04 TCVN và soát xét 01 TCVN</i>)									
672.		Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm	SXTCVN ISO 22000:2007 (ISO 22000:2005), Chấp nhận ISO 22000:2017	TCVN/TC/F3 Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
673.		Chương trình tiên quyết về an toàn thực phẩm – Phần 4: Sản xuất bao bì thực phẩm	Chấp nhận ISO 22002-4:2013	nt	2018	2019			
674.		Chương trình tiên quyết về an toàn thực phẩm – Phần 6: Sản xuất thức ăn chăn nuôi	Chấp nhận ISO/TS 22002-6:2016	nt	2018	2019			
675.		Quản lý sức khỏe động vật – Yêu cầu chung và hướng dẫn đối với các tổ chức trong chuỗi cung ứng thực phẩm	Chấp nhận ISO/TS 34700:2016	nt	2018	2019			
676.		Nhà máy chế biến sữa – Điều kiện vệ sinh – Hướng dẫn chung về quy trình kiểm tra và lấy mẫu	ISO 8086:2004	nt	2018	2019			
PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU VÀ PHÂN TÍCH THỰC PHẨM (<i>Xây dựng 07 TCVN trong đó xây dựng mới 06 TCVN, soát xét 01 TCVN</i>)									
677.		Thực phẩm – Hướng dẫn chung về lấy mẫu	CAC/GL 50-2004	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân</i>	2018	2019	<i>tích và lấy mẫu</i>		
678.		Thực phẩm – Phân hủy mẫu bằng áp lực để xác định các nguyên tố vết	Chấp nhận EN 13805:2014 SX TCVN 9525:2012 (EN 13805:2002)	nt	2018	2019			
679.		Thực phẩm – Xác định hàm lượng glucose tổng số và hàm lượng tinh bột bằng enzym – Phương	Tham khảo EU No 118/2010, Annex	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao (HPLC)							
680.		Thực phẩm – Xác định hàm lượng polydextrose – Phương pháp sắc kí ion	Tham khảo AOAC 2000.11	nt	2018	2019			
681.		Thực phẩm – Xác định hàm lượng xơ không tan, xơ hòa tan và xơ tổng số – Phương pháp enzym-khối lượng-sắc kí lỏng	Tham khảo AOAC 2011.25	nt	2018	2019			
682.		Thực phẩm – Xác định hàm lượng cholesterol – Phương pháp sắc kí khí	Tham khảo AOAC 994.10	nt	2018	2019			
683.		Thực phẩm – Xác định hàm lượng sucralose – Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận EN 16155:2012	nt	2018	2019			
DẦU MỠ ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT (Xây dựng 06 TCVN trong đó xây dựng mới 01 TCVN, soát xét 05 TCVN)									
684.		Bột của hạt có dầu – Xác định hàm lượng dầu – Phương pháp chiết nhanh	Chấp nhận ISO 22630:2015	TCVN/TC/F2 Dầu mỡ động vật và thực vật	2018	2019			
685.		Bột của hạt có dầu – Xác định hàm lượng dầu – Phương pháp chiết bằng hexan (hoặc dầu nhẹ)	SXTCVN 8951-1:2011 (ISO 734-1:2006) Chấp nhận ISO 734:2015	nt	2018	2019			
686.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định khối lượng quy ước theo thể tích	SXTCVN 6117:2010 (ISO 6883:2007) Chấp nhận	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		(trọng lượng của 1 lít trong điều kiện không khí)	ISO 6883:2017						
687.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi	TCVN 6120:2007 (ISO 662:1998) Chấp nhận ISO 662:2016	nt	2018	2019			
688.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định trị số peroxit – Phương pháp xác định điểm kết thúc chuẩn độ iốt (quan sát bằng mắt thường)	SXTCVN 6121:2010 (ISO 3960:2007) Chấp nhận ISO 3960:2017	nt	2018	2019			
689.		Dầu thực vật	SXTCVN 7597:2013 (CODEX STAN 210-2005, Amd. 2013) Tham khảo CODEX STAN 210-2005, Amd. 2015	nt	2018	2019			
RAU QUẢ (Xây dựng mới 07 TCVN)									
690.		Quýt quả tươi	Chấp nhận ASEAN STAN 9:2008	TCVN/TC/F10 Rau quả và sản phẩm rau quả	2018	2019			
691.		Mít quả tươi	Chấp nhận ASEAN STAN 17:2010	nt	2018	2019			
692.		Dưa quả tươi	Chấp nhận ASEAN STAN 18:2010	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch	
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác		
693.		Roi, quả tươi	Chấp nhận ASEAN STAN 29:2012	nt	2018	2019				
694.		Me ngọt quả tươi	Chấp nhận ASEAN STAN 39:2014	nt	2018	2019				
695.		Cà tím	Chấp nhận ASEAN STAN 26:2012	nt	2018	2019				
696.		Bí đỏ	Chấp nhận ASEAN STAN 27:2012	nt	2018	2019				
THỨC ĂN CÔNG THỨC (Xây dựng mới 07 TCVN)										
697.		Quy phạm thực hành vệ sinh đối với thức ăn công thức dạng bột dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	Chấp nhận CAC/RCP 66-2008, Rev. 1-2009	TCVN/TC/F6 <i>Dinh dưỡng và thức ăn kiêng</i>	2018	2019				
698.		Hướng dẫn đối với thực phẩm bổ sung dùng cho trẻ nhỏ (từ 6 tháng đến 36 tháng tuổi)	Chấp nhận CAC/GL 8-1991, Rev. 1-2013	nt	2018	2019				
699.		Thực phẩm ăn kiêng chứa hàm lượng natri thấp	CODEX STAN 53-1981, Amd. 1-1983	nt	2018	2019				
700.		Thực phẩm ăn kiêng sử dụng cho người không dung nạp gluten	CODEX STAN 118-1981, Rev. 1-2008, Amd. 2-2015	nt	2018	2019				
701.		Thực phẩm theo công thức sử dụng trong chế độ ăn nhằm kiểm soát cân nặng	CODEX STAN 181-1991	nt	2018	2019				

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
702.		Thực phẩm theo công thức sử dụng trong chế độ ăn rất ít năng lượng nhằm giảm cân	CODEX STAN 203-1995	nt	2018	2019			
703.		Đồ uống từ đậu nành	Tham khảo tài liệu, khảo sát thực tế	nt	2018	2019			
SỮA VÀ SẢN PHẨM SỮA (Xây dựng 07 TCVN trong đó xây dựng mới 04 TCVN, soát xét 03 TCVN)									
704.		Sữa – Xác định hàm lượng nitơ casein – Phần 1: Phương pháp gián tiếp (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 17997-1:2004	TCVN/TC/F12 <i>Sữa và sản phẩm sữa</i>	2018	2019			
705.		Sữa – Xác định hàm lượng nitơ casein – Phần 2: Phương pháp trực tiếp	Chấp nhận ISO 17997-2:2004	nt	2018	2019			
706.		Sữa – Xác định hàm lượng nitơ – Phần 4: Phương pháp xác định hàm lượng nitơ phi protein	Soát xét TCVN 8099-4:2009 (ISO 8968-4:2001) Chấp nhận ISO 8968-4:2016	nt	2018	2019			
707.		Sữa – Xác định dư lượng narasin và monensin – Phương pháp sắc kí lỏng- phổ khối lượng hai lần	Tham khảo AOAC 2011.24	nt	2018	2019			
708.		Sữa tươi nguyên liệu	Soát xét TCVN 7405:2009	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch	
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác		
709.		Sữa bột và cream bột	Soát xét TCVN 7979:2013 (CODEX STAN 207-1999) Chấp nhận CODEX STAN 207-1999, Amd. 2013, 2014, 2016	nt	2018	2019				
710.		Sữa bột gầy bổ sung chất béo thực vật	Soát xét TCVN 8436:2010 (CODEX STAN 251-2006) Chấp nhận CODEX STAN 251-2006, Amd.2010, 2013, 2014, 2016	nt	2018	2019				
TRÚNG, THỊT VÀ SẢN PHẨM THỊT (Xây dựng 07 TCVN trong đó xây dựng mới 03 TCVN, soát xét 04 TCVN)										
711.		Hướng dẫn kiểm soát <i>Salmonella</i> spp. không gây bệnh thương hàn trong thịt bò và thịt lợn	Chấp nhận CAC/GL 87-2016	TCVN/TC/F8 Thịt và sản phẩm thịt	2018	2019				
712.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phương pháp lấy mẫu thân thịt tươi để phân tích vi sinh vật	SXTCVN 7925:2008 (ISO 17604:2003) Chấp nhận ISO 7604:2015	nt	2018	2019				
713.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phát hiện ấu	SXTCVN 9581:2013 Chấp nhận	nt	2018	2019				

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		trùng giun xoắn (<i>Trichinella</i>) trong thịt bằng phương pháp phân giải nhân tạo	ISO 8743:2015						
714.		Thịt và sản phẩm thịt – Xác định dư lượng fenbendazole – Phương pháp sắc kí lỏng	Tham khảo AOAC 991.17	nt	2018	2019			
715.		Thịt và sản phẩm thịt – Xác định hàm lượng N-nitrosopyrrolidine – Phương pháp sắc kí khí sử dụng thiết bị phân tích năng lượng nhiệt	Tham khảo AOAC 984.18	nt	2018	2019			
716.		Trứng gà tươi	Soát xét TCVN 1858:1986	nt	2018	2019			
717.		Trứng vịt tươi	Soát xét TCVN 1442:1986	nt	2018	2019			
THỦY SẢN VÀ SẢN PHẨM THỦY SẢN (Xây dựng 07 TCVN trong đó xây dựng mới 04 TCVN, soát xét 03 TCVN)									
718.		Cá ngừ đóng hộp	SXTCVN 6388:2006 (CODEX STAN 70-1995, Rev. 1-1995) Chấp nhận CODEX STAN 70-1981, Rev. 1-1995, Amd. 2011, 2013, 2016	TCVN/TC/F11 Thủy sản và sản phẩm thủy sản	2018	2019			
719.		Cá trích và các sản phẩm dạng cá trích đóng hộp	SXTCVN 6390:2006 (CODEX STAN 94-1995)	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Chấp nhận CODEX STAN 94-1981, Rev. 1995, 2007, Amd. 1989, 2011, 2013, 2016						
720.		Cá đóng hộp	Soát xét TCVN 6391:2008 (CODEX STAN 119-1981, Rev. 1-1995). Chấp nhận CODEX STAN 119-1981, Rev. 1-1995, Amd. 2011, 2013, 2016	nt	2018	2019			
721.		Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm động vật giáp xác – Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối động vật giáp xác nuôi	Chấp nhận ISO 16741:2015	nt	2018	2019			
722.		Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm động vật giáp xác – Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối động vật giáp xác đánh bắt	Chấp nhận ISO 18537:2015	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
723.		Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nhuyễn thể – Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối nhuyễn thể nuôi	Chấp nhận ISO 18538:2015	nt	2018	2019			
724.		Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nhuyễn thể – Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối nhuyễn thể đánh bắt	Chấp nhận ISO 18539:2015	nt	2018	2019			
MẬT ONG (Xây dựng 07 TCVN trong đó xây dựng mới 05 TCVN, soát xét 02 TCVN)									
725.		Mật ong – Xác định độ dẫn điện	Tham khảo IHC Methods	TCVN/TC/F18 Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột	2018	2019			
726.		Mật ong – Xác định pH và độ axit tự do bằng phép chuẩn độ đến pH 8,3	Soát Xét TCVN 5271:2008 Tham khảo IHC Methods	nt	2018	2019			
727.		Mật ong – Xác định pH, độ axit tự do, hàm lượng lacton và độ axit tổng số bằng phép chuẩn độ đến điểm tương đương	Soát xét TCVN 5271:2008 Tham khảo IHC Methods	nt	2018	2019			
728.		Mật ong – Phân tích cảm quan Honey – Sensory analysis	Tham khảo IHC Methods	nt	2018	2019			

h

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
729.		Mật ong – Xác định độ ẩm bằng phương pháp đo độ phân cực	Tham khảo IHC Methods	nt	2018	2019			
730.		Mật ong – Xác định hàm lượng tro	Tham khảo IHC Methods	nt	2018	2019			
731.		Mật ong – Xác định hàm lượng prolin	Tham khảo AOAC 979.20 và IHC Methods	nt	2018	2019			
PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BIA (Xây dựng mới 07 TCVN)									
732.		Bia – Xác định hàm lượng nitơ tổng số bằng phương pháp Kjeldahl	Tham khảo EBC Method 9.9.1 (2000)	TCVN/TC/F9 <i>Đồ uống</i>	2018	2019			
733.		Bia – Xác định hàm lượng nitơ tổng số bằng phương pháp Dumas	Tham khảo EBC Method 9.9.2 (1999)	nt	2018	2019			
734.		Bia – Xác định hàm lượng nitơ amin tự do bằng phương pháp quang phổ	Tham khảo EBC Method 9.10 (2000)	nt	2018	2019			
735.		Bia – Xác định hàm lượng polyphenol tổng số bằng phương pháp quang phổ	Tham khảo EBC Method 9.11 (2002)	nt	2018	2019			
736.		Bia – Xác định hàm lượng flavanoid bằng phương pháp quang phổ	Tham khảo EBC Method 9.12 (1997)	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch	
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác		
737.		Bia – Xác định pH	Tham khảo EBC Method 9.35 (2004)	nt	2018	2019				
738.		Bia – Xác định hàm lượng clorua bằng phương pháp đo độ dẫn	Tham khảo EBC Method 9.21 (1997)	nt	2018	2019				
PHÂN TÍCH CẢM QUAN (Xây dựng mới 06 TCVN)										
739.		Phân tích cảm quan – Hướng dẫn chung để thiết kế phòng thử	Chấp nhận ISO 8589:2007 + Amd 1:2014	TCVN/TC/F13 Phương pháp phân tích và lấy mẫu	2018	2019				
740.		Phân tích cảm quan – Hướng dẫn chung đối với nhân viên phòng đánh giá cảm quan – Phần 1: Trách nhiệm của nhân viên	Chấp nhận ISO 13300-1:2006	nt	2018	2019				
741.		Phân tích cảm quan – Hướng dẫn chung đối với nhân viên phòng đánh giá cảm quan – Phần 2: Tuyển chọn và huấn luyện người phụ trách hội đồng	Chấp nhận ISO 13300-2:2006	nt	2018	2019				
742.		Phân tích cảm quan – Hướng dẫn chung để lựa chọn, huấn luyện và giám sát người thử được lựa chọn và chuyên gia thử	Chấp nhận ISO 8586:2012	nt	2018	2019				

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
743.		Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Hướng dẫn chung	Chấp nhận ISO 6658:2017	nt	2018	2019			
744.		Phân tích cảm quan – Đánh giá (xác định và xác nhận) thời hạn sử dụng thực phẩm	Chấp nhận ISO 16779:2015	nt	2018	2019			
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN THỰC PHẨM (Xây dựng mới 04 TCVN và 03 TCVN soát xét)									
745.		Thực phẩm – Xác định các nguyên tố và các hợp chất hóa học của chúng – Xác định arsen vô cơ trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật và hải sản bằng HPLC-ICP-MS trao đổi ion	Chấp nhận EN 16802:2016	TCVN/TC/F13 Phương pháp phân tích và lấy mẫu	2018	2019			
746.		Thủy sản và sản phẩm thủy sản – Xác định hàm lượng methyl thủy ngân – Phương pháp sắc kí lỏng - quang phổ hấp thụ nguyên tử	Tham khảo AOAC 990.04	nt	2018	2019			
747.		Thực phẩm axit hóa – Xác định pH <i>Acidified foods – Determination of pH</i>	Tham khảo AOAC 981.12	nt	2018	2019			
748.		Thực phẩm – Xác định vitamin B ₆ bằng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận EN 14164:2014	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
749.		Thực phẩm – Xác định vitamin B ₁ bằng sắc kí lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Chấp nhận EN 14122:2014 Soát xét TCVN 5164:2008 (EN 14122:2003)	nt	2018	2019			
750.		Thực phẩm – Xác định vitamin E bằng sắc kí lỏng hiệu năng cao – Định lượng α-, β-, γ- và δ-tocopherol	Chấp nhận EN 12822:2014 Soát xét TCVN 8276:2010 (EN 12822:2000)	nt	2018	2019			
751.		Thực phẩm – Xác định vitamin B ₂ bằng sắc kí lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Chấp nhận EN 14152:2014 Soát xét TCVN 8975:2011 (EN 14152:2003)	nt	2018	2019			
THỨC ĂN CHĂN NUÔI (Xây dựng 05 TCVN trong đó xây dựng mới 02 TCVN, soát xét 03 TCVN)									
752.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng deoxynivalenol – Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao sử dụng detector UV và làm sạch bằng cột ái lực miễn nhiễm	Chấp nhận EN 15791:2009	TCVN/TC/F17 Thức ăn chăn nuôi	2018	2019			
753.		Thức ăn chăn nuôi – Hướng dẫn chuẩn bị mẫu thử	Chấp nhận ISO 6498:2012 SX TCVN 6952:2001 (ISO 6498:1998)	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
754.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng clorua hoà tan trong nước – Phần 1: Phương pháp chuẩn độ	Chấp nhận ISO 6495-1:2015 Sx TCVN 4806:2007 (ISO 6495:1999)	nt	2018	2019			
755.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng tryptophan	Chấp nhận ISO 13904:2016 Sx TCVN 5283:2007 (ISO 13904:2005)	nt	2018	2019			
756.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng lysin, methionin và threonin trong premix và các chế phẩm axit amin	Chấp nhận ISO 17180:2013	nt	2018	2019			
VẬT LIỆU DỆT (Xây dựng 8 TCVN trong đó xây dựng mới 7 TCYN và soát xét 01 TCVN)									
757.		Vật liệu dệt – Chuẩn bị, đánh dấu, đo mẫu thử và quần áo trong các phép thử xác định sự thay đổi kích thước	Chấp nhận ISO 3759:2011	TCVN/TC 38 Vật liệu dệt	2018	2019			
758.		Vật liệu dệt – Xác định độ xoắn sau khi giặt – Phần 1: Tỷ lệ phần trăm những thay đổi về độ xoắn của những sọc nổi trong quần áo dệt kim	Chấp nhận ISO 16322-1:2005	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
759.		Vật liệu dệt – Xác định độ xoắn sau khi giặt – Phần 2: vải dệt thoi và vải dệt kim	Chấp nhận ISO 16322-2:2005 ISO 16322-2:2005/Cor 1:2007	nt	2018	2019			
760.		Vật liệu dệt – Phần 3: Quần áo dệt thoi và dệt kim	Chấp nhận ISO 16322-3:2005	nt	2018	2019			
761.		Vật liệu dệt – Phương pháp xác định độ bền màu – Phần X16: Độ bền màu với chà xát – Diện tích nhỏ	Chấp nhận ISO 105-X16:2016	nt	2018	2019			
762.		Vật liệu dệt – Phương pháp xác định độ bền màu – Phần Z09: Xác định độ hòa tan của thuốc nhuộm trong nước lạnh	Chấp nhận ISO 105-Z09:1995	nt	2018	2019			
763.		Vật liệu dệt – Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo – Phần 1: Phát hiện việc sử dụng một số chất màu azo bằng cách chiết và không cần chiết xơ	Chấp nhận ISO 14362-1:2017 TCVN 7619-1:2007	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
764.		Vật liệu dệt – Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo – Phần 3: Phát hiện việc sử dụng một số chất màu azo có thể giải phóng ra 4-aminoazobenzen	Chấp nhận ISO 14362-3:2017	nt	2018	2019			
GIẤY VÀ SẢN PHẨM GIẤY (Xây dựng mới 8 TCVN)									
765.		Giấy, các tông, bột giấy và thuật ngữ liên quan – Từ vựng - Phần 2: Thuật ngữ về bột giấy	Chấp nhận ISO 4046-2:2016	TCVN/TC 6 <i>Giấy và sản phẩm giấy</i>	2018	2019			
766.		Giấy, các tông, bột giấy và thuật ngữ liên quan – Từ vựng - Phần 3: Thuật ngữ về quá trình sản xuất giấy.	Chấp nhận ISO 4046-3:2016	nt	2018	2019			
767.		Giấy, các tông, bột giấy và thuật ngữ liên quan – Từ vựng - Phần 4: Cấp giấy và các tông và các sản phẩm chuyển đổi	Chấp nhận ISO 4046-4:16	nt	2018	2019			
768.		Giấy, các tông, bột giấy và thuật ngữ liên quan – Từ vựng - Phần 5: Các tính chất của bột giấy, giấy và các tông	Chấp nhận ISO 4046-5:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
769.		Bột giấy, giấy và các tông – Xác định vi sinh – Phần 1: Đếm vi khuẩn và bào tử vi khuẩn khi phân hủy	Chấp nhận ISO 8784-1:2014	nt	2018	2019			
770.		Giấy và các tông – Xác định độ cong bằng mẫu thử treo theo chiều thẳng đứng	Chấp nhận ISO 11556:2005	nt	2018	2019			
771.		Bột giấy tái chế – Ước lượng chất dính và chất dẻo – Phần 1: Phương pháp quan sát bằng mắt thường	Chấp nhận ISO 15360-1:2000	nt	2018	2019			
772.		Bột giấy tái chế – Ước lượng chất dính và chất dẻo – Phần 2: Phương pháp phân tích hình ảnh	Chấp nhận ISO 15360-2:2015	nt	2018	2019			
THÂM TRÁI SÀN (Xây dựng mới 6 TCVN)									
773.		Thảm trải sàn bằng vật liệu đàn hồi – Thảm trải sàn polyvinyl chlorua đồng nhất – Các yêu cầu	Chấp nhận ISO 10581:2011	TCVN/TC 219 <i>Thảm trải sàn</i>	2018	2019			
774.		Thảm trải sàn bằng vật liệu đàn hồi – Thảm trải sàn polyvinyl chlorua không đồng nhất – Các yêu cầu	Chấp nhận ISO 10582:2010	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
775.		Thảm trải sàn bằng vật liệu đàn hồi – Tấm lát sàn polyvinyl chlorua bán mềm dẻo – Các yêu cầu	Chấp nhận ISO 10595:2010	nt	2018	2019			
776.		Thảm trải sàn bằng vật liệu đàn hồi - Thảm trải sàn polyvinyl chlorua có gân có lót – Các yêu cầu	Chấp nhận ISO 26986:2010 (xem xét lại năm 2016)	nt	2018	2019			
777.		Thảm trải sàn bằng vật liệu dệt được làm bằng máy – Lựa chọn và cắt mẫu cho phép thử vật lý	Chấp nhận ISO 1957:2000 (xem xét lại 2015)	nt	2018	2019			
778.		Thảm trải sàn bằng vật liệu dệt được làm bằng máy – Xác định độ dày	Chấp nhận ISO 1765:1986 (xem xét lại 2015)	nt	2018	2019			
ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ĐƯỜNG ỐNG (Xây dựng mới 06 TCVN)									
779.		Hệ thống đường ống bằng chất dẻo dùng để thoát nước ngầm không chịu áp – Polyetyen (PE)	Chấp nhận ISO 8772:2006	TCVN/TC138 Ống, phụ tùng đường ống và van dùng để vận chuyển chất lỏng	2018	2019			
780.		Hệ thống đường ống bằng chất dẻo dùng để thoát nước ngầm không chịu áp – Polypropylen (PP)	Chấp nhận ISO 8773:2006	nt	2018	2019			
781.		Ống nhựa nhiệt dẻo thành kết cấu – Thử bằng tủ sấy	Chấp nhận ISO 12091:1995	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
782.		Hệ thống ống bằng chất dẻo – Phép thử độ bền tổ hợp ống/ống hoặc ống/phụ tùng với tải trọng kéo đứt	Chấp nhận ISO 13951:2015	nt	2018	2019			
783.		Ống và phụ tùng bằng chất dẻo – Phép thử tách kết dính nội đối với tổ hợp nung chảy bằng điện polyetylen (PE)	Chấp nhận ISO 13955:1997	nt	2018	2019			
784.		Phụ tùng nhựa nhiệt dẻo – Xác định độ cứng vòng	Chấp nhận ISO 13967:2009	nt	2018	2019			
SẢN PHẨM DA (Xây dựng 8 TCVN trong đó xây dựng mới 07 TCVN và soát xét 01 TCVN)									
785.		Da – Xác định độ bền uốn – Phần 1: Phương pháp uốn máy	Chấp nhận ISO 5402-1:2017	TCVN/TC 120 Sản phẩm da	2018	2019			
786.		Da – Phép đo bề mặt da - Sử dụng kỹ thuật điện	Chấp nhận ISO 19076:2016	nt	2018	2019			
787.		Da – Phép thử hóa xác định hàm lượng crom(VI) trong da – Phần 1: Phương pháp so màu)	Chấp nhận ISO 17075-1:2017	nt	2018	2019			
788.		Da – Phép thử hóa xác định hàm lượng crom(VI) trong da – Phần 2: Phương pháp sắc ký	Chấp nhận ISO 17075-2:2017 TCVN 8832:2011 (ISO 17075:2007)	nt	2018	2019			
789.		Da – Phép thử hóa – Xác định Crom (VI) và khả	Chấp nhận ISO 19071:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		năng khử của các tác nhân thuộc crom							
790.		Da – Xác định hàm lượng formaldehyt bằng phương pháp hóa học - Phần 3: Xác định formaldehyt sinh ra từ da	Chấp nhận 17226-3:2011	nt	2018	2019			
791.		Da – Xác định alkylphenols etoxyl hóa - Phần 1: Phương pháp trực tiếp <i>Part 1: Direct method</i>	Chấp nhận 18218-1:2015	nt	2018	2019			
792.		Da – Xác định alkylphenols etoxyl hóa - Phần 1: Phương pháp gián tiếp	Chấp nhận ISO 18218-2:2015	nt	2018	2019			
PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN (Xây dựng mới 6 TCVN)									
793.		Thiết bị bảo vệ đường hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 11: Phương pháp xác định phạm vi quan sát	Chấp nhận ISO 16900-11:2013	TCVN/TC 94 <i>Phương tiện bảo vệ cá nhân</i>	2018	2019			
794.		Thiết bị bảo vệ đường hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 12: Phương pháp xác định tác động thở ở mức trung	Chấp nhận ISO 16900-12:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		bình và áp suất hô hấp cao nhất							
795.		Thiết bị bảo vệ đường hô hấp – Phương pháp thử và thiết bị thử – Phần 13: RPD sử dụng khí thử được tạo ra và RPD áp dụng đặc biệt trong hầm mỏ: Phép thử cô đặc nồng độ khí, nhiệt độ, độ ẩm, cách thức thử, độ cân thử, hệ số đàn hồi phổi và khoảng thời gian	Chấp nhận ISO 16900-13:2015	nt	2018	2019			
796.		Thiết bị bảo vệ đường hô hấp – Bộ lọc bụi – Yêu cầu, phương pháp thử, ghi nhãn	Chấp nhận EN 143:2000	nt	2018	2019			
797.		Găng tay bảo vệ chống các hóa chất và vi sinh vật nguy hiểm – Phần 1: Thuật ngữ và các yêu cầu tính năng đối với rủi ro về hóa chất	Chấp nhận ISO 374-1:2016	nt	2018	2019			
798.		Găng tay bảo vệ chống các hóa chất và vi sinh vật nguy hiểm – Phần 5: Thuật ngữ và các yêu cầu tính năng đối với rủi ro về vi sinh vật	Chấp nhận ISO 374-5:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
BAO BÌ (Xây dựng mới 06 TCVN)									
799.		Bao bì - Bao bì và đơn vị tải trọng vận chuyển đã hoàn tất - Điều kiện thử	Chấp nhận ISO 2233:2000	TCVN/TC 122 <i>Bao bì</i>	2018	2019			
800.		Bao bì - Bao bì và đơn vị tải trọng vận chuyển đã hoàn tất - Phép thử xếp chồng sử dụng tải trọng tĩnh	Chấp nhận ISO 2234:2000	nt	2018	2019			
801.		Bao bì - Bao bì và đơn vị tải trọng vận chuyển đã hoàn tất - Phép thử va đập theo chiều ngang	Chấp nhận ISO 2244:2000	nt	2018	2019			
802.		Bao bì - Bao bì và đơn vị tải trọng vận chuyển đã hoàn tất - Thử rung ở tần số thấp không đối	Chấp nhận ISO 2247:2000	nt	2018	2019			
803.		Bao bì - Bao bì và đơn vị tải trọng vận chuyển đã hoàn tất - Thử áp suất thấp	Chấp nhận ISO 2873:2000	nt	2018	2019			
804.		Bao bì - Bao bì và đơn vị tải trọng vận chuyển đã hoàn tất - Thử phun nước	Chấp nhận ISO 2875:2000	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
DỤNG CỤ TIẾP XÚC VỚI THỰC PHẨM (Xây dựng mới 06 TCVN)									
805.		Đũa ăn	Tự xây dựng	TCVN/TC 166	2018	2019			
806.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm - Chất dẻo - Phần 1: Hướng dẫn lựa chọn các điều kiện và phương pháp thử để thử tổng lượng thời nhiễm	Chấp nhận BS EN 1186-1:2002	<i>Dụng cụ bằng gốm sứ, thủy tinh và gốm thủy tinh tiếp xúc với thực phẩm</i>	2018	2019			
807.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm - Chất dẻo - Phần 2: Phương pháp thử tổng lượng thời nhiễm trong dầu oliu bằng phương pháp ngâm toàn phần	Chấp nhận BS EN 1186-2:2002	nt	2018	2019			
808.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm - Chất dẻo - Phần 3: Phương pháp thử tổng lượng thời nhiễm vào trong dung dịch nước mô phỏng thức ăn bằng cách ngâm toàn phần	Chấp nhận BS EN 1186-3:2002	nt	2018	2019			
809.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc thực phẩm - Chất dẻo - Phần 4 - Phương pháp thử tổng lượng thời nhiễm trong dầu oliu trong khoang chứa	Chấp nhận BS EN 1186-4:2002	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
810.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm - Chất dẻo - Phần 5: Phương pháp thử tổng lượng thời gian vào trong dụng dịch mô phỏng thức ăn trong khoang chứa	Chấp nhận BS EN 1186-5:2002	nt	2018	2019			
GIẤY DÉP (Xây dựng mới 8 TCVN)									
811.		Giấy dệp – Phương pháp thử khóa kéo – Độ bền kéo của củ khóa	Chấp nhận ISO 10734:2016	TCVN/TC 216 <i>Giấy dệp</i>	2018	2019			
812.		Giấy dệp – Phương pháp thử khóa kéo – Độ bền liên kết của các đầu chặn	Chấp nhận ISO 10750:2015	nt	2018	2019			
813.		Giấy dệp – Phương pháp thử khóa kéo – Độ bền đóng và mở lặp đi lặp lại	Chấp nhận ISO 10751:2016	nt	2018	2019			
814.		Giấy dệp – Phương pháp thử khóa kéo – Độ bền phía bên	Chấp nhận ISO 10764:2016	nt	2018	2019			
815.		Giấy dệp – Các chất có khả năng có trong giấy dệp và các chi tiết của giấy dệp	Chấp nhận ISO/TR 16178:2012	nt	2018	2019			
816.		Giấy dệp – Phương pháp thử khóa kéo – Độ bền đối với các hư hại trong khi khóa dưới một lực ở phía bên	Chấp nhận ISO 18403:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
817.		Giấy dếp – Các chất có hại tiềm ẩn có trong giấy dếp và các chi tiết của giấy dếp – Xác định phenol có trong vật liệu làm giấy dếp	ISO/FDIS 20536	nt	2018	2019			
818.		Giấy dếp – Phương pháp thử để trong và lót mặt – Sự hút nước và sự giải hấp nước	ISO 22649:2016	nt	2018	2019			
TÁI SỬ DỤNG NƯỚC (Xây dựng mới 03 TCVN)									
819.		Tái sử dụng nước trong các khu vực đô thị - Hướng dẫn cho hệ thống tái sử dụng nước tập trung – Phần 1: Nguyên tắc thiết kế của một hệ thống tái sử dụng nước tập trung	Chấp nhận ISO/DIS 20760-1:2017	TCVN/TC 282 <i>Tái sử dụng nước</i>	2018	2018			
820.		Tái sử dụng nước trong các khu vực đô thị - Hướng dẫn cho hệ thống tái sử dụng nước tập trung – Phần 2: Quản lý của hệ thống tái sử dụng nước tập trung	Chấp nhận ISO/DIS 20760-2:2017	nt	2018	2018			
821.		Tái sử dụng nước trong các khu vực đô thị - Hướng dẫn đánh giá an	Chấp nhận ISO/DIS 20761:2017	nt	2018	2018			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		toàn tải sử dụng nước: các thông số và phương pháp đánh giá.							
QUẢN LÝ NGUỒN NƯỚC (Xây dựng mới 03 TCVN)									
822.		Các hoạt động liên quan đến nước uống và các dịch vụ xử lý nước thải – Quản lý khủng hoảng ngành nước	Chấp nhận ISO 24518:2015	TCVN/TC 224 Các hoạt động dịch vụ liên quan đến hệ thống cung cấp nước và hệ thống nước thải	2018	2019			
823.		Các hoạt động liên quan đến nước uống và các dịch vụ xử lý nước thải - hướng dẫn cho việc quản lý các dịch vụ xử lý nước thải đô thị cơ bản ngay tại hiện trường	Chấp nhận ISO 24521:2016	nt	2018	2019			
824.		Hoạt động dịch vụ liên quan đến các hệ thống cung cấp nước uống và cung cấp hệ thống xử lý nước thải - hướng dẫn định điểm chuẩn của ngành nước	Chấp nhận ISO 24523:2017	nt	2018	2019			
XỬ LÝ CHẤT THẢI (Xây dựng mới 08 TCVN)									
825.		Thuật ngữ về chất thải và quản lý chất thải	Chấp nhận ASTM D5681-16a	TCVN/TC200 Chất thải rắn	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
826.		Phương pháp lấy mẫu chất rắn cố kết trong thùng hình ống hoặc thùng chứa tương tự	Chấp nhận ASTM D5679-16	nt	2018	2019			
827.		Phương pháp phân loại đối với hỗn hợp kim loại màu trong chất thải đô thị MNM	Chấp nhận ASTM E956 – 83 (2015)	nt	2018	2019			
828.		Phương pháp thực hành lấy mẫu dòng chất thải trên băng tải	Chấp nhận ASTM D7204-15	nt	2018	2019			
829.		Phương pháp thực hành lấy mẫu từ xe bồn cho nhân viên hiện trường	Chấp nhận ASTM D7831-13	nt	2018	2019			
830.		Phương pháp xác định đặc tính chất thải của quá trình vô cơ hóa để sử dụng làm kết cấu nền.	Chấp nhận ASTM E850-10	nt	2018	2019			
831.		Phương pháp xác định việc thu hồi sản phẩm trong thiết bị phân tách vật liệu	Chấp nhận ASTM E1108 - 86	nt	2018	2019			
832.		Phương pháp thử đối với thành phần hoặc độ tinh khiết của dòng vật liệu	Chấp nhận ASTM E889-82	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chất thải rắn							
QUAN TRẮC TIẾNG ỒN (Soát xét 05 TCVN)									
833.		Âm học – Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường - Phần 1: Các đại lượng cơ bản và phương pháp đánh giá	Chấp nhận ISO 1996-1:2016 TCVN 7878-1:2008 (ISO 1996-1:2003)	TCVN/TC 43 <i>Âm học</i>	2018	2019			
834.		Âm học – Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường - Phần 2: Xác định mức áp suất âm.	Chấp nhận ISO 1996-2:2017 TCVN 7878-2:2010 (ISO 1996-2:2007)	nt	2018	2019			
835.		Điện thanh – Đo mức âm – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận IEC 61672-1:2013 TCVN 6775:2000 (IEC 651:1979/ Amd.1:1993)	nt	2018	2019			
836.		Điện thanh – Đo mức âm – Phần 2: Phép thử đánh giá mô hình	Chấp nhận IEC 61672-2:2013 TCVN 6775:2000 (IEC 651:1979/ Amd.1:1993)	nt	2018	2019			
837.		Điện thanh – Đo mức âm – Phần 3: Kiểm tra định kỳ	Chấp nhận IEC 61672-3:2013 TCVN 6775:2000 (IEC 651:1979/ Amd.1:1993)	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG (Xây dựng mới 03 TCVN)									
838.		Quản lý môi trường – Hạnh toán chi phí dòng vật liệu – Hướng dẫn thực hiện thực tế trong một chuỗi cung ứng.	Chấp nhận ISO 14052:2017	TCVN/TC 207 <i>Quản lý môi trường</i>	2018	2019			
839.		Nhãn môi trường và công bố về môi trường – Xây dựng quy tắc phân loại sản phẩm	Chấp nhận ISO/TS 14027:2017	nt	2018	2019			
840.		Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Ví dụ minh họa về cách áp dụng ISO 14044 tác động đến tình huống đánh giá.	Chấp nhận ISO/TR 14047:2012	nt	2018	2019			
THIẾT BỊ LÀM SẠCH KHÔNG KHÍ (Xây dựng mới 04 TCVN)									
841.		Bộ lọc không khí cho hệ thống thông gió chung – Phần 1: Yêu cầu, quy định kỹ thuật và hệ thống phân loại dựa trên hiệu suất vật liệu hạt ePM	Chấp nhận ISO 16890-1:2016	TCVN/TC 142 <i>Thiết bị làm sạch không khí</i>	2018	2019			
842.		Bộ lọc không khí cho hệ thống thông gió chung – Phần 2: Phép đo hiệu suất phân đoạn và điện trở dòng khí	Chấp nhận ISO 16890-2:2016	nt	2018	2019			
843.		Bộ lọc không khí cho hệ	Chấp nhận	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thông thông gió chung – Phần 3: Xác định hiệu suất phân tích trọng lượng và điện trở dòng khí so với khối lượng của bụi thử thu được	ISO 16890-3:2016						
844.		Bộ lọc không khí cho hệ thống thông gió chung – Phần 4: Phương pháp ổn định để xác định hiệu suất thử nhỏ nhất	Chấp nhận ISO 16890-4:2016	nt	2018	2019			
ĐO VÀ ĐÁNH GIÁ NHIỄM XẠ BỀ MẶT (Xây dựng mới 04 TCVN)									
845.		Đo hoạt độ phóng xạ - Đo và Đánh giá nhiễm xạ bề mặt. Phần 1: Nguyên tắc chung	Chấp nhận ISO 7503-1:2016	TCVN/TC 85/SC2 <i>Bảo vệ bức xạ</i>	2018	2019			
846.		Đo hoạt độ phóng xạ - Đo và Đánh giá nhiễm xạ bề mặt. Phần 2: Phương pháp thử sử dụng mẫu khăn.	Chấp nhận ISO 7503-1:2016	nt	2018	2019			
847.		Đo hoạt độ phóng xạ - Đo và Đánh giá nhiễm xạ bề mặt. Phần 3: Hiệu chuẩn thiết bị	Chấp nhận ISO 7503-1:2016	nt	2018	2019			
848.		Thực hành đo liều trong xử lý bức xạ	Chấp nhận ISO/ASTM 52628	nt	2018	2019			
THIẾT KẾ ECGÔNÔMI TRONG CÁC SẢN PHẨM (Xây dựng mới 02 TCVN)									
849.		Yêu cầu chung đối với việc thiết lập cơ sở dữ liệu	Chấp nhận ISO 15535:2012	TCVN/TC159 <i>Ecgonômi</i>	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nhân trắc học							
850.		Ecgonômi - Nguyên lý Ecgonômi trong thiết kế hệ thống làm việc	Chấp nhận ISO 6385:2016 TCVN 7437:2010 (ISO 6385:2004)	nt	2018	2019			
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – KIẾN TRÚC THIẾT BỊ UPnP –GIAO THỨC ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ CÔNG INTERNET (Xây dựng mới 08 TCVN)									
851.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-14: Giao thức điều khiển thiết bị công Internet – Dịch vụ cấu hình liên kết cấp mạng điện rộng	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-14:2008	TCVN/JTC 1 Công nghệ thông tin	2018	2019			
852.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-15: Giao thức điều khiển thiết bị công Internet – Dịch vụ cấu hình giao diện chung cho mạng điện rộng	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-15:2008	nt	2018	2019			
853.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-16: Giao thức điều khiển thiết bị công Internet – Dịch vụ cấu hình dòng thuê bao số mạng điện rộng	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-16:2008	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
854.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-17: Giao thức điều khiển thiết bị công Internet – Dịch vụ cấu hình liên kết Ethernet mạng diện rộng	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-17:2008	nt	2018	2019			
855.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-18: Giao thức điều khiển thiết bị công Internet – Dịch vụ kết nối giao thức giao thức Internet mạng diện rộng	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-18:2008	nt	2018	2019			
856.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-19: Giao thức điều khiển thiết bị công Internet – Dịch vụ cấu hình liên kết dịch vụ điện thoại đơn giản trên mạng diện rộng	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-19:2008	nt	2018	2019			
857.		Công nghệ thông tin – Kiến trúc thiết bị UPnP – Phần 8-20: Giao thức điều khiển thiết bị công Internet – Dịch vụ kết nối giao thức điểm – điểm trên mạng diện rộng	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-20:2008	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
858.		Công nghệ thông tin - Kiến trúc thiết bị UPnP - Phần 8-21: Giao thức điều khiển thiết bị công Internet - Dịch vụ cấu hình mạng cục bộ không dây	Chấp nhận ISO/IEC 29341-8-21:2008	nt	2018	2019			
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - ĐIỆN TOÁN ĐÁM MÂY (Xây dựng mới 05 TCVN)									
859.		Công nghệ thông tin - Điện toán đám mây - Tổng quan và từ vựng;	Chấp nhận ISO/IEC 17788:2014	TCVN/JTC 1 Công nghệ thông tin	2018	2019			
860.		Công nghệ thông tin - Điện toán đám mây - Kiến trúc tham chiếu;	Chấp nhận ISO/IEC 17789:2014	nt	2018	2019			
861.		Công nghệ thông tin - Kiến trúc tham chiếu đối với Kiến trúc hướng dịch vụ (SOA RA) - Phần 1: Thuật ngữ và khái niệm cho SOA;	Chấp nhận ISO/IEC 18384-1:2016	nt	2018	2019			
862.		Công nghệ thông tin - Kiến trúc tham chiếu đối với Kiến trúc hướng dịch vụ (SOA RA) - Phần 2: Kiến trúc tham chiếu cho giải pháp SOA;	Chấp nhận ISO/IEC 18384-2:2016	nt	2018	2019			
863.		Công nghệ thông tin - Kiến trúc tham chiếu đối với Kiến trúc hướng dịch vụ (SOA RA) - Phần 3:	Chấp nhận ISO/IEC 18384-3:2016	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Bản thể luận kiến trúc hướng dịch vụ;							
THẺ ĐỊNH DANH (Xây dựng mới 06 TCVN)									
864.		Thẻ định danh - Thiết bị quản lý thẻ mạch tích hợp - Phần 1: Khung khái quát	Chấp nhận ISO/IEC 18328-1:2015	TCVN/JTC 1 Công nghệ thông tin	2018	2019			
865.		Identification cards - ICC-managed devices - Part 2: Thẻ định danh - Thiết bị quản lý thẻ mạch tích hợp - Phần 2: Đặc tính vật lý và phương pháp thử cho thẻ và thiết bị	Chấp nhận ISO/IEC 18328-2:2015	nt	2018	2019			
866.		Thẻ định danh - Thiết bị quản lý thẻ mạch tích hợp - Phần 3: Tổ chức, an toàn và lệnh trao đổi	Chấp nhận ISO/IEC 18328-3:2016	nt	2018	2019			
867.		Công nghệ thông tin - Định danh cá nhân- Bằng lái xe- Phần 1: Đặc tính vật lý và tạo lập cơ sở dữ liệu	Chấp nhận ISO/IEC 18013-1:2011	nt	2018	2019			
868.		Công nghệ thông tin - Định danh cá nhân- Bằng lái xe- Phần 3: Kiểm soát truy cập, xác thực và kiểm tra tính toàn vẹn	Chấp nhận ISO/IEC 18013-3:2017	nt	2018	2019			
869.		Công nghệ thông tin - Định danh cá nhân- Bằng	Chấp nhận ISO/IEC 18013-	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lái xe- Phần 4: Phương pháp thử	4:2011/Cor 1: 2013						
HẠ TẦNG CỘNG ĐỒNG THÔNG MINH (Xây dựng mới 02 TCVN)									
870.		Mô hình khái niệm thành phố thông minh – Hướng dẫn thiết lập mô hình cho việc liên tác dữ liệu	Chấp nhận ISO/IEC 30182:2017	TCVN/TC 268 <i>Cộng đồng và thành phố bền vững</i>	2018	2019			
871.		Phát triển bền vững trong cộng đồng – Tóm tắt các hướng dẫn hiện có và các phương pháp tiếp cận về sự phát triển và khả năng phục hồi bền vững trong thành phố	Chấp nhận ISO/TR 37121:2017	nt	2018	2019			
QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC (Xây dựng mới 6 TCVN)									
872.		Quản trị nguồn nhân lực – Từ vựng	ISO 30400:2016	TCVN/TC 260 <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>	2018	2019			
873.		Quản trị nguồn nhân lực – Hướng dẫn tuyển dụng	ISO 30405:2016	nt	2018	2019			
874.		Quản trị nguồn nhân lực – Hướng dẫn về quản lý nhân lực	ISO 30408:2016	nt	2018	2019			
875.		Quản trị nguồn nhân lực – Hoạch định nguồn nhân lực	ISO 30409:2016	nt	2018	2019			
876.		Cung cấp dịch vụ đánh giá – Quy trình và phương pháp đánh giá con người	ISO 10667-1:2011	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		trong việc thiết lập công việc và tổ chức – Phần 1: Yêu cầu đối với khách hàng							
877.		Cung cấp dịch vụ đánh giá – Quy trình và phương pháp đánh giá con người trong việc thiết lập công việc và tổ chức – Phần 2: Yêu cầu đối với nhà cung cấp dịch vụ	ISO 10667-2:2011	nt	2018	2019			
PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ TRONG QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH (<i>Xây dựng 04 TCVN trong đó xây dựng mới 02 TCVN, soát xét 02 TCVN</i>)									
878.		Phương pháp thống kê trong quản lý quá trình – Năng lực và hiệu năng – Phần 2: Năng lực và hiệu năng quá trình của các mô hình quá trình phụ thuộc thời gian	ISO 22514-2:2017 TCVN 9944-2:2013 (ISO 22514-2:2013)	TCVN/TC 69 <i>Ứng dụng các phương pháp thống kê</i>	2018	2019			
879.		Phương pháp thống kê trong quản lý quá trình – Năng lực và hiệu năng – Phần 4: Ước lượng năng lực và đo lường hiệu năng quá trình	ISO 22514-4:2016 TCVN 9944-4:2013 (ISO/TR 22514-4:2007)	nt	2018	2019			
880.		Biểu đồ kiểm soát – Phần 8: Kỹ thuật lập biểu đồ cho các lượt ngắn và các lô hỗn hợp nhỏ	ISO 7870-8:2017	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
881.		Phương pháp thống kê dùng cho thực thi 6-sigma – Minh họa phân tích bảng ngẫu nhiên	ISO/TR 16705:2016	nt	2018	2019			
QUY TRÌNH LẤY MẪU ĐỂ KIỂM TRA (soát xét 04 TCVN)									
882.		Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định lượng – Phần 1: Quy định đối với phương án lấy mẫu một lần xác định theo giới hạn chất lượng Chấp nhận AQL để kiểm tra từng lô đối với một đặc trưng chất lượng và một AQL	ISO 3951-1:2013 SX TCVN 8243-1:2009 (ISO 3951-1:2005)	TCVN/TC 69 <i>Ứng dụng các phương pháp thống kê</i>	2018	2019			
883.		Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định lượng – Phần 2: Quy định đối với phương án lấy mẫu một lần xác định theo giới hạn chất lượng Chấp nhận AQL để kiểm tra từng lô có đặc trưng chất lượng độc lập	ISO 3951-2:2013 TCVN 8243-2:2009 (ISO 3951-2:2006)	nt	2018	2019			
884.		Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định tính – Phần 10: Giới thiệu bộ tiêu chuẩn TCVN 7790 ISO 2859 về lấy mẫu để kiểm tra định tính	ISO 28590:2017 TCVN 7790-10:2008 (ISO 2859-10:2006)	nt	2018	2019			
885.		Phương án lấy mẫu liên	ISO 28591:2017	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tiếp để kiểm tra định tính	TCVN 9601:2013 (ISO 8422:2006)						
MÃ SỐ MÃ VẠCH (Xây dựng 08 TCVN trong đó xây dựng mới 05 TCVN, soát xét 03 TCVN)									
886.		Công nghệ thông tin – Cấu trúc mã phân định tổ chức và các bộ phận của tổ chức – Phần 1: Phân định gián đồ phân định tổ chức	Chấp nhận ISO/IEC 6523-1:1998	JTC1/ SC31 <i>Thu thập dữ liệu tự động</i>	2018	2019			
887.		Công nghệ thông tin – Cấu trúc mã phân định tổ chức và các bộ phận của tổ chức – Phần 2: Đăng kí gián đồ phân định tổ chức	Chấp nhận ISO/IEC 6523-2:1998.	nt	2018	2019			
888.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Yêu cầu kỹ thuật đối với kiểm tra chất lượng in mã vạch – Mã vạch một chiều	Chấp nhận ISO/IEC 15416:2016. TCVN 7626:2008	nt	2018	2019			
889.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật phân định và thu nhận dữ liệu tự động – Quy định kỹ thuật mã vạch – EAN/UPC	Chấp nhận ISO/IEC15420:2009 TCVN 7825:2007 (ISO/IEC15420:2000).	nt	2018	2019			
890.		Mã số mã vạch vật phẩm – Số phân định ứng dụng GS1	Chấp nhận quy định kỹ thuật chung của GS1. SX TCVN 6754:2007	nt	2018	2019			
891.		Bao bì - Mã vạch và mã vạch hai chiều trên nhãn	ISO 15394	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		dùng trong gửi , vận chuyển và nhận hàng							
892.		Tin học Y tế - Gán mã và ghi nhãn dữ liệu trong phân định và thu nhận dữ liệu tự động - Chủ đề về chăm sóc sức khỏe và phân định từng nhà cung cấp cá nhân dịch vụ chăm sóc sức khỏe	ISO/TS 18530:2014	nt	2018	2019			
893.		Công nghệ thông tin – Dịch vụ thông tin về EPC – Quy định kỹ thuật	ISO/IEC 19987	nt	2018	2019			
MÃ SỐ MÃ VẠCH (Xây dựng 1 TCVN)									
894.		Dịch vụ tài chính – Nhận dạng pháp nhân (LEI)	Chấp nhận ISO 17442:2012	TCVN/JTC1/SC 31 Thu thập dữ liệu tự động	2018	2019			
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP (Xây dựng 04 TCVN trong đó xây dựng mới 2 TCVN), soát xét 02 TCVN)									
895.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý – Phần 2: Yêu cầu về năng lực đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý môi trường	Chấp nhận ISO/IEC 17021-2:2016 TCVN ISO/IEC 17021-2:2013	TCVN/CASCO Đánh giá sự phù hợp	2018	2019			
896.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức	Chấp nhận ISO/IEC 17021-	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý – Phần 3: Yêu cầu về năng lực đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	3:2017 TCVN ISO/IEC 17021-3:2015						
897.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý – Phần 9: Yêu cầu về năng lực đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý chống hối lộ	Chấp nhận ISO/IEC 17021-9:2017	nt	2018	2019			
898.		Đánh giá sự phù hợp – Ví dụ về chương trình chứng nhận dịch vụ	Chấp nhận ISO/IEC TR 17028:2017	nt	2018	2019			
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG (<i>Xây dựng 06 TCVN trong đó, soát xét 02 TCVN và xây dựng mới 04 TCVN</i>)									
899.		Chất lượng trong tổ chức – Hướng dẫn để đạt được thành công bền vững	Chấp nhận ISO 9004:2017 SX TCVN ISO 9004:2009	TCVN/TC 176 <i>Quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng</i>	2018	2019			
900.		Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý	Chấp nhận ISO 19011:2017 Sx TCVN ISO 19011:2011	nt	2018	2019			
901.		Quản lý rủi ro- Nguyên tắc và hướng dẫn	Chấp nhận ISO 31000:2017	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
902.		An ninh xã hội- Từ vựng	Chấp nhận ISO 223000:2017	nt	2018	2019			
903.		An ninh xã hội- Hệ thống quản lý tính liên tục trong kinh doanh – Các yêu cầu	Chấp nhận ISO 22301:2012	nt	2018	2019			
904.		Hệ thống quản lý chống hối lộ - Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng	Chấp nhận ISO 37001:2016	nt	2018	2019			
CAO SU TỜ (Xây dựng 01 TCVN)									
905.		Cao su tờ xông khói (RSS)	Xây dựng mới theo chỉ đạo của VPCP theo KN của tập đoàn cao su VN	TCVN/TC 45 Cao su thiên nhiên	2018	2019			
HIỆP HỘI PHẦN MỀM VÀ DỊCH VỤ CNTT VIỆT NAM (VINASA)									
906.		Trao đổi thông tin số dự án đầu tư	Đề tài nghiên cứu xây dựng khung chuẩn trao đổi thông tin số quốc gia	Viện KHCN VINASA	2018	2019			
907.		Trao đổi thông tin số học bạ điện tử trong giáo dục và đào tạo	Đề tài nghiên cứu xây dựng khung chuẩn trao đổi thông tin số quốc gia	nt	2018	2019			
908.		Trao đổi thông tin số quan trắc môi trường	Đề tài nghiên cứu xây dựng khung chuẩn trao đổi thông tin số quốc gia	nt	2018	2019			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
909.		Trao đổi thông tin số tiêu chuẩn hóa	Đề tài nghiên cứu xây dựng khung chuẩn trao đổi thông tin số quốc gia	nt	2018	2019			
910.		Trao đổi thông tin số hành chính điện tử	Đề tài nghiên cứu xây dựng khung chuẩn trao đổi thông tin số quốc gia	nt	2018	2019			
911.		Trao đổi thông tin số hệ thống thông tin y tế và y bạ điện tử	Đề tài nghiên cứu xây dựng khung chuẩn trao đổi thông tin số quốc gia	nt	2018	2019			
912.		Trao đổi thông tin số quản lý hộ nghèo	Đề tài nghiên cứu xây dựng khung chuẩn trao đổi thông tin số quốc gia	nt	2018	2019			

Chú thích: Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch cần được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.